

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Dương Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH HẢI ÂU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Dương Thị Phương

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Dương Thị Phương Mã số: 110266
Lớp : QT1103K Ngành: Kế toán - Kiểm toán
Tên đề tài : Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại
Công ty TNHH Hải Âu

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những lý luận chung về thuế giá trị gia tăng.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Hải Âu
 - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2010.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY TNHH HẢI ÂU

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đông Thị Nga**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Dương Thị Phương

Đông Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2010

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về thuế GTGT và tổ chức kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp.

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu. Tác giả đã có sự cập nhật những thông tư và nghị định mới nhất liên quan đến thuế GTGT.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty với số liệu năm 2010 tương đối hợp lý và có tính logic.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty. Điều này góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế GTGT tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,75 điểm (Chín phẩy bảy lăm điểm)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2010

Cán bộ hướng dẫn

Đông Thị Nga

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập và phát triển ở khu vực cũng như trên thế giới, đất nước ta đã và đang từng bước củng cố, phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhất là trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, thị trường trong nước được mở cửa, tạo cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam phát triển nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Với bất cứ một doanh nghiệp nào để tạo dựng được uy tín và phát triển bền vững đòi hỏi nhà quản lý doanh nghiệp phải nhận thức được rõ vai trò của những thông tin kinh tế, tài chính. Các thông tin này được kế toán thu thập và tổng hợp, qua đó giúp cho nhà quản trị hiểu rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp, chính sách phát triển kinh tế của nhà nước... để từ đó đưa ra những quyết định đầu tư kinh doanh phù hợp. Các thông tin kế toán có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp, vì vậy việc tổ chức công tác kế toán hoàn chỉnh mang lại hiệu quả cao là việc rất cần thiết đối với bất cứ một doanh nghiệp nào.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức thuế và kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp. Thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước.

Nhận thức đầy đủ và đúng đắn vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức kế toán thuế GTGT. Sau một thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty TNHH Hải Âu và kết hợp với những kiến thức đã được học, em đã chọn đề tài "**Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH HẢI ÂU** " cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của đề tài đề cập đến tình hình và phát triển của Công ty, thực tế

về kế toán thuế giá trị gia tăng, nội dung được trình bày cụ thể như sau:

Chương I : Lý luận chung về thuế GTGT và kế toán thuế GTGT.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu.

Chương III : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu.

Do còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **Thạc sĩ Đồng Thị Nga**, các thầy cô giáo trong khoa QTKD cùng các cô chú, anh chị của phòng Kế toán - Tài chính công ty TNHH Hải Âu đã tận tình chỉ bảo, tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bản khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

1.1. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng .

1.1.1. Khái quát sự ra đời và phát triển của thuế GTGT.

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là : Taxe Sur La Valeur Tée (viết tắt là TVA), tiếng Anh gọi là Value Added Tax (viết tắt là VAT), dịch ra tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước Pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Ngày nay, các quốc gia thuộc khối Liên minh Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ La Tinh và một số các quốc gia Châu Á trong đó có Việt Nam đã chính thức áp dụng luật thuế giá trị gia tăng. Các quốc gia khác cũng đang trong thời kỳ nghiên cứu loại thuế này. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Ở nước ta, tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khoá 9, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-1999.

1.1.2. Khái niệm.

***Khái niệm GTGT:**

GTGT là giá trị tăng thêm của một sản phẩm, hàng hoá dịch vụ do cơ sở sản xuất, chế biến, thương mại hoặc dịch vụ (gọi chung là cơ sở kinh doanh) tác động vào nguyên vật liệu thô hay hàng hoá, dịch vụ mua vào làm cho giá trị của chúng tăng thêm. Nói cách khác, đây là số chênh lệch giữa giá đầu ra và giá đầu vào do cơ sở kinh doanh tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay đó là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phát triển trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Đối với một số ngành nghề kinh doanh, GTGT được xác định như sau:

- Đối với ngành xây dựng là tiền thu thù lao xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ chi phí về vật tư, động lực... và các chi phí khác để

phục vụ cho xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình đó.

- Đối với kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa các khoản thu về tiêu thụ và các khoản thu khác trừ tiền mua hàng hoá, chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa các khoản thu về tiêu thụ trừ chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

$$\text{Giá trị gia tăng} = \text{Giá đầu ra} - \text{Giá đầu vào}$$

***Khái niệm thuế GTGT.**

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì **thuế giá trị gia tăng** là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

1.1.3. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng.

- Tính cưỡng chế và tính pháp lý cao:

Trong mỗi quốc gia, việc đóng thuế cho Nhà nước được coi là một trong những nghĩa vụ bắt buộc của các tổ chức kinh tế và công dân cho Nhà nước. Các tổ chức kinh tế và công dân thực hiện nghĩa vụ thuế theo các luật thuế cụ thể được cơ quan quyền lực tối cao ở quốc gia đó quyết định phù hợp với các hoạt động và thu nhập của từng tổ chức kinh tế và công dân. Nếu ai không thực hiện đúng nghĩa vụ thuế của mình, tức là họ vi phạm pháp luật của quốc gia đó.

Đặc điểm này phân biệt sự khác nhau giữa thuế với các khoản đóng góp mang tính tự nguyện cho NSNN và thuế đối với các khoản vay mượn của Chính phủ.

Tuy nhiên, cũng cần phải hiểu rằng thuế là biện pháp tài chính mang tính chất bắt buộc của Nhà nước, nhưng sự bắt buộc đó luôn được xác lập dựa trên nền tảng của các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quan hệ kinh tế thế giới.

- Thuế GTGT là khoản đóng góp không mang tính hoàn trả trực tiếp.

Khác với các khoản vay, Nhà nước thu thuế từ các tổ chức kinh tế và cá

nhân nhưng không phải hoàn trả lại trực tiếp cho người nộp thuế sau một khoảng thời gian với một khoản tiền mà họ đã nộp vào NSNN. Số tiền thuế thu được, Nhà nước sẽ sử dụng cho các chi tiêu công cộng, phục vụ cho nhu cầu của Nhà nước và của mọi cá nhân trong xã hội. Mọi cá nhân, người nộp thuế cho Nhà nước cũng như người không nộp thuế, người nộp nhiều cũng như người nộp ít, đều bình đẳng trong việc nhận được các phúc lợi công cộng từ phía Nhà nước. Số thuế mà các đối tượng phải nộp cho Nhà nước, được tính toán không dựa trên khối lượng lợi ích công cộng họ nhận được mà dựa trên những hoạt động cụ thể và thu nhập của họ. Đặc điểm này cũng phân biệt giữa thuế với phí và lệ phí.

1.1.4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng.

1.1.4.1. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá .

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế Nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu. Nếu như không có các sự kiện biến động về tài chính, tiền tệ; sản xuất và lưu thông giảm sút, yếu kém, kinh tế suy thoái và các nguyên nhân khác tác động lên thì việc áp dụng thuế giá trị gia tăng thay thế cho thuế doanh thu sẽ không ảnh hưởng gì đến giá cả sản phẩm tiêu dùng, mà trái lại giá cả càng hợp lý hơn, chính xác hơn vì tránh được thuế chồng lên thuế.

Theo nghiên cứu và thống kê của Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thì phần lớn các nước trong đó có Việt Nam sau khi áp dụng thuế giá trị gia tăng, giá cả các loại hàng hoá dịch vụ đều không thay đổi hay chỉ thay đổi với một tỷ lệ không đáng kể và mức sản xuất của các doanh nghiệp,

mức tiêu dùng của dân chúng không sút giảm, hay chỉ sút giảm một tỷ lệ nhỏ trong thời gian đầu, kể cả các trường hợp tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng trong định kỳ điều chỉnh. Như vậy ta có thể kết luận rằng thuế giá trị gia tăng không phải là một nhân tố gây ra lạm phát, gây khó khăn trở ngại cho việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá mà trái lại việc áp dụng thuế giá trị gia tăng góp phần ổn định giá cả, mở rộng lưu thông hàng hoá, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu.

1.1.4.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế.

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau :

-Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.

- Thuế tính trên giá bán hàng hóa hoặc dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.

- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

- Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng được thực hiện căn cứ trên hoá đơn mua vào đã thúc đẩy người mua phải đòi hỏi người bán xuất hoá đơn, ghi doanh thu đúng với hoạt động mua bán; khắc phục được tình trạng thông đồng giữa người mua và người bán để trốn lậu thuế. Ở khâu bán lẻ thường xảy ra trốn lậu thuế do

người tiêu dùng không đòi hỏi hoá đơn, vì đối với họ không còn xảy ra việc khấu trừ thuế. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.

- Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng. Với ít thuế suất, loại thuế này mang tính trung lập, vì về cơ bản không can thiệp sâu vào mục tiêu khuyến khích hay hạn chế sản xuất, kinh doanh dịch vụ, tiêu dùng theo ngành nghề cụ thể; không gây phức tạp trong việc xem xét từng mặt hàng, ngành nghề có thuế suất chênh lệch nhau nhiều.

- Nâng cao tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế. Thông thường, trong chế độ kê khai nộp thuế giá trị gia tăng, cơ quan thuế tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh tự kiểm tra, tính thuế, kê khai và nộp thuế. Từ đó tạo tâm lý và cơ sở pháp lý cho đơn vị kinh doanh không phải hiệp thương, thoả thuận về mức doanh thu, mức thuế với cơ quan thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu trữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh từ đó tập trung được nguồn thu thuế giá trị gia tăng vào Ngân sách Nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau, còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế được thất thu về thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ; việc tính thuế đầu ra được khấu trừ số thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.

- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu ... góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng còn là công cụ để thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Thực tế để thu được thuế

và thực hiện đúng các luật thuế được ban hành, cơ quan thuế và các cơ quan liên quan phải bằng mọi biện pháp nắm vững số lượng, qui mô các cơ sở sản xuất kinh doanh, ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, mặt hàng họ được phép kinh doanh. Từ công tác thu thuế sẽ phát hiện những việc làm sai trái, vi phạm pháp luật của các cá nhân, các đơn vị sản xuất kinh doanh, hoặc phát hiện ra những khó khăn mà họ gặp phải để tìm ra những biện pháp tháo gỡ.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiền bộ nhất và cũng là sắc thuế thông minh nhất trong các sắc thuế hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước, đơn giản, trung lập.

1.1.5. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng .

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau :

☞ Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.

☞ Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng (dịch vụ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng (cung ứng dịch vụ). Còn người bán hàng (dịch vụ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá (dịch vụ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm. Nói cách khác, thuế giá trị gia tăng là loại thuế duy nhất thu theo phân đoạn chia nhỏ, trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hoá (dịch vụ) từ khâu đầu tiên đến người tiêu dùng cuối cùng. Đến cuối chu kỳ sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ, tổng số thuế thu được ở các công đoạn sẽ khớp với số thuế tính trên giá bán hàng hoá hoặc giá dịch vụ cho người tiêu dùng cuối cùng.

☞ Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh

doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

☞ Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng. Vì qua từng công đoạn, thuế giá trị gia tăng đã được người bán đưa vào giá hàng hóa, dịch vụ; cho nên thuế này được chuyển toàn bộ cho người mua hàng hoá hoặc người sử dụng dịch vụ cuối cùng chịu.

1.1.6. Các quy định về thuế giá trị gia tăng .

1.1.6.1. Đối tượng nộp thuế GTGT.

Là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tại Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ bao gồm:

- Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp Nhà Nước và Luật Hợp tác xã.

- Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhập khẩu.

1.1.6.2. Đối tượng chịu thuế GTGT.

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ

mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

1.1.6.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT.

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau :

- **Nhóm 1** : Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Ví dụ : Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

- **Nhóm 2** : Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.

Ví dụ : Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích truyền truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.

- **Nhóm 3** : Đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Ví dụ : Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê. Chuyển quyền sử dụng đất.

- **Nhóm 4** : Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ : Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

1.1.7. Căn cứ và phương pháp tính thuế.

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

1.1.7.1. Giá tính thuế.

Giá tính thuế là một căn cứ quan trọng để xác định số thuế GTGT phải

nộp Giá tính thuế GTGT là giá bán chưa có thuế GTGT được ghi trên hoá đơn bán hàng của người bán hàng, người cung cấp dịch vụ hoặc người nhập khẩu. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

- Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

- Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá NK+ thuế NK + thuế TTĐB (nếu có)

- Đối với HHDV chịu thuế TTĐB:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế TTĐB

- Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính thuế = giá bán trả 1 lần chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

- Đối với DV đại lý tàu biển, môi giới, ủy thác XNK và Dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng :

Giá tính thuế = giá tiền công (hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

- Đối với HHDV dùng để trao đổi biểu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

- Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

- Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

- Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Giá tính thuế = giá bán – tiền sử dụng đất

- Đối với DV du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính thuế = (giá trọn gói – chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế

GTGT) / (1 + thuế suất)

- Đối với các HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù:

Giá tính thuế = giá bán/(1+ thuế suất)

1.1.7.2. Thời điểm xác định thuế GTGT như sau:

- Đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hoá đơn tính tiền.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

1.1.7.3. Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được áp dụng như sau:

1.1.7.3.1. Mức thuế suất 0%.

Áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình của doanh nghiệp chế xuất; hàng bán cho cửa hàng bán hàng miễn thuế; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% nêu tại tại điểm 1.3 Mục này.

- Hàng hoá xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất

khẩu.

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (Dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp suất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất...)
- Vận tải quốc tế.

1.1.7.3.2. Mức thuế suất 5%

Áp dụng đối với HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng.

1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.

2. Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại.

6. Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá .

7. Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng.

8. Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường: gồm gi đường, bã mía, bã bùn.

9. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.

10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ ...

12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com- pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

14. Đồ chơi cho trẻ em; Sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.

1.1.7.3.3. Mức thuế suất 10%

Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa dịch vụ thông thường còn lại như: Dầu mỏ, khí đốt, quặng; điện thương phẩm; xây dựng lắp đặt; sản phẩm điện tử; sản phẩm hóa chất; sợi vải sản phẩm may mặc, thêu ren; giấy; sữa, bánh kẹo, nước giải khát; sản phẩm gốm sứ thủy tinh; dịch vụ tư vấn pháp luật và các dịch vụ tư vấn khác; khách sạn, dịch vụ, ăn uống....

Các mức thuế suất thuế GTGT nêu trên đây được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

Ví dụ : Hàng may mặc áp dụng thuế suất là 10% thì mặt hàng này ở khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại đều áp dụng thuế suất 10%.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế

suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

1.1.8. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

1.1.8.1. Phương pháp khấu trừ thuế.

* Đối tượng áp dụng:

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

* Công thức xác định thuế GTGT phải nộp:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Số thuế GTGT đầu ra} - \text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

1.1.8.1.1. Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự

điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định

1.1.8.1.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng => chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn ... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .

- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ

⇒ Số thuế GTGT = Tổng số thuế GTGT x Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT

1.1.8.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế :

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào,

cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.

- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

1.1.8.2. Phương pháp trực tiếp .

* Đối tượng áp dụng:

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT chỉ áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

*Xác định thuế GTGT phải nộp.

Công thức:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đó}$$

$$\text{GTGT của hàng hóa dịch vụ chịu thuế} = \text{Doanh số của hàng hoá dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn của hàng hoá dịch vụ bán ra}$$

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hoá, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

1.1.9. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và hoàn thuế GTGT.

1.1.9.1. Kê khai thuế.

- Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

1.1.9.2. Nộp thuế GTGT.

* Về thời hạn nộp thuế:

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày

25 của tháng tiếp theo.

Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

Riêng cơ sở kinh doanh và người nhập khẩu hàng hoá phải nộp thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu..

* Về số thuế phải nộp:

Căn cứ vào số thuế trong thông báo nộp thuế của cơ quan thuế. Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu kỳ này cơ sở kinh doanh nộp thừa thì số thuế nộp thừa đó được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu kỳ trước nộp thiếu thì phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào kỳ tiếp theo. Riêng đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra trong tháng, thì số thuế lớn hơn được trừ tiếp vào tháng tiếp theo :

* Về địa điểm nộp thuế :

Cơ sở có thể trực tiếp nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước (tại kho bạc nhà nước), hoặc trích tiền gửi ngân hàng (nếu cơ sở đó có) để nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với các cá nhân kinh doanh (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở xa kho bạc, luôn di động... thì cơ quan thuế tổ chức thu trực tiếp và nộp vào ngân sách nhà nước (chậm nhất không quá 3 ngày kể từ ngày thu được tiền thiếu, riêng đối với vùng núi, hải đảo là 6 ngày).

Thời điểm nộp thuế được tính từ thời điểm nộp thuế tại kho bạc, hoặc được tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền gửi của cơ sở kinh doanh vào ngân sách nhà nước.

* Về đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế:

Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước. Nếu đối tượng nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải qui đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỉ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ, để xác định số thuế GTGT phải nộp.

Nếu đã tới thời hạn nộp thuế mà cơ sở chưa nhận được thông báo nộp

thuế thì căn cứ vào số thuế phải nộp theo kê khai, cơ sở chủ động nộp thuế vào ngân sách nhà nước .

1.1.9.3. Quyết toán thuế.

Sau khi kết thúc năm dương lịch, các đối tượng nộp thuế đều phải quyết toán thuế với cơ quan thuế, thời gian chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày 30-12 của năm quyết toán thuế.

Nội dung quyết toán thuế là phải xác định số thuế GTGT phải nộp ; số thuế GTGT được khấu trừ, không được khấu trừ , còn được khấu trừ; số thuế GTGT được hoàn lại ; số thuế GTGT được giảm số thuế GTGT nộp thiếu số thuế GTGT nộp thừa.

Nơi nộp thuế quyết toán là cơ quan thuế địa phương nơi cơ sở đăng kí nộp thuế.

Dựa vào quyết toán thuế, cơ sở có trách nhiệm nộp số thuế GTGT còn thiếu vào ngân sách nhà nước (thời gian chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán). Nếu còn thừa thì được trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn thuế nếu cơ sở được hoàn thuế.

Nếu cơ sở kinh doanh có sát nhập , giải thể, chia tách , phá sản... thì cơ sở đó cũng phải quyết toán thuế với cơ quan thuế chậm nhất không quá 45 ngày kể từ ngày có quyết định sát nhập , giải thể, chia tách , phá sản.

Kê khai đầy đủ ,đúng các chỉ tiêu và số liệu theo mẫu quyết toán thuế là trách nhiệm trước pháp luật của các đối tượng nộp thuế.

1.1.9.4. Hoàn thuế.

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn

thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

1.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT).

1.2.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT.

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của đồng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn

lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở trên, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách. Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

1.2.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.

1.2.2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung.

a» Trách nhiệm :

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.

- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn (mở sổ giao và ký nhận).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

b» Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

c» Mối liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.
- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

1.2.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng.

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: Khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và quy định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

1.2.3. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng.**1.2.3.1. Chứng từ kế toán.**

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT.

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Tờ khai thuế GTGT.
- Quyết toán thuế GTGT.
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

1.2.3.2. Tài khoản kế toán.

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

a. Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

* **Nội dung** : Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

| Kết cấu : | Nợ | TK133 | Có |
|-----------|---|-------|---|
| | <p><u>SPS tăng</u>: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ.</p> | | <p><u>SPS giảm</u>: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT |
| | <p><u>SDCK</u>:- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng chưa được hoàn trả. | | |

TK 133 có 2 TK cấp II:

- TK 1331-Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

***Nguyên tắc hạch toán:**

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trường hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì

không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

b. Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

* **Nội dung:** Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu:

| Nợ | TK 3331 | Có |
|--|--|--|
| <p><u>SPS giảm</u>: Khấu trừ thuế GTGT</p> <p>- Thuế GTGT được miễn giảm</p> <p>- Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN.</p> <p>_Số thuế GTGT</p> | <p><u>SPS tăng</u>: Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ.</p> | |
| <p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách.</p> | | <p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ.</p> |

TK 3331 có 2 TK cấp III:

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

* **Nguyên tắc hạch toán:**

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế.

1.2.3.3. Trình tự kế toán.**1.2.3.3.1 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.****☆ Kế toán thuế GTGT đầu vào.****☼ Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ.**

- Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ trong nước dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 152, 156, 211...

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

- Khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ dùng ngay vào SXKD. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ kế toán phản ánh giá mua thực tế chưa có thuế GTGT đầu vào và tổng giá thanh toán

Nợ TK 142, 154, 242, 642...Giá mua chưa có thuế GTGT

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111, 112, 331 : Tổng giá thanh toán

- Khi mua hàng hóa giao ngay(chuyển thẳng) cho khách hàng không qua nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 111, 112, 331 : Tổng giá thanh toán

- Khi nhập khẩu vật tư, hàng hoá, TSCĐ, kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hoá, TSCĐ nhập khẩu:

Nợ TK 152, 156, 211 ... (Giá chưa có thuế GTGT hàng nhập khẩu)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 111, 112, 331, . . .

+ Riêng đối với thuế GTGT hàng nhập khẩu phản ánh như sau:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33312).

- Trường hợp hàng đã mua và đã trả lại hoặc hàng đã mua được giảm giá do kém, mất phẩm chất thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế

Nợ TK 111, 112, 331 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 152, 153, 156, 211,.. . (Giá mua chưa có thuế GTGT).

- Trường hợp thuế GTGT của vật tư, hàng hoá, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn, bị mất chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332).

- Cuối tháng, kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào số thuế GTGT đầu ra khi xác định số thuế GTGT phải nộp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

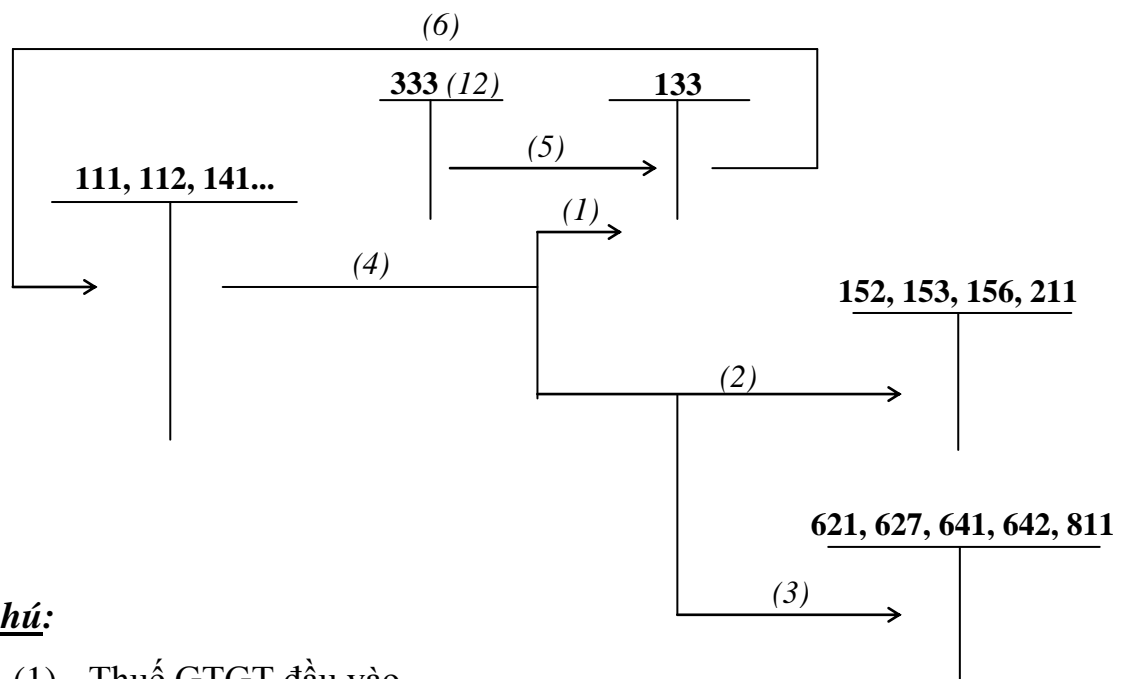
- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế mà thường xuyên có số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoàn lại thuế GTGT theo quy định của luật thuế. Khi nhận được tiền NSNN thanh toán về số tiền thuế GTGT đầu vào được hoàn lại, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.. .

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331, 1332).

☼ Sơ đồ hạch toán thuế GTGT đầu vào:

Qui trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:



Ghi chú:

- (1) Thuế GTGT đầu vào.
- (2) Trị giá mua chưa có thuế của hàng hóa, vật tư, TSCĐ... nhập kho.
- (3) Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa đưa vào sử dụng ngay.

- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ.
- (6) Thuế GTGT được giảm trừ hoặc được hoàn trả đã nhận.

★ **Kế toán thuế GTGT đầu ra.**

❁ **Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ.**

- Xác định thuế GTGT đầu ra phải nộp khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ:

Nợ các TK 111, 112, 131,.. . (Tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng (giá bán chưa có thuế)

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp, kế toán xác định doanh thu bán hàng là giá bán trả tiền ngay chưa có thuế GTGT và phản ánh thuế GTGT

Nợ các TK 111, 112, 131,.. . (Tổng số tiền phải thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 511 - DTBH (Giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT)

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Lãi trả chậm).

- Kế toán ở đơn vị đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

+ Khi bán được hàng nhận đại lý, phản ánh số tiền bán hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112 , 131 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

+Hoa hồng bán hàng đại lý được hưởng, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (Số hoa hồng được hưởng)

Có TK 511 - DTBH (Doanh thu hoa hồng được hưởng theo giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

- Trường hợp sử dụng sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để biếu, tặng các đơn vị, cá nhân bên ngoài được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi - Khi xuất kho sản phẩm, hàng hoá để biếu, tặng, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155,156

+ Đồng thời ghi nhận doanh thu bán hàng nội bộ, ghi:

Nợ TK 431 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (Thuế GTGT đầu ra)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán chưa VAT).

- Trường hợp hàng bán bị trả lại:

+ Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và sản phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán phản ánh số tiền phải trả cho người mua, doanh thu và thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, ghi:

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 333 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (VAT của hàng bán bị trả lại)

Có các TK 111, 112, 131 (Tổng giá thanh toán).

Đồng thời phản ánh giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho, ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ khi phát sinh các khoản doanh thu của hoạt động tài chính và thu nhập khác (Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ. . .)

Nợ các TK 111 , 112, 138,. . . (Tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Giá chưa có thuế GTGT).

-Cuối kỳ, kế toán tính, xác định số thuế GTGT được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT phải nộp trong kỳ:

+ Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ được chuyển trừ vào số thuế GTGT đầu ra , ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

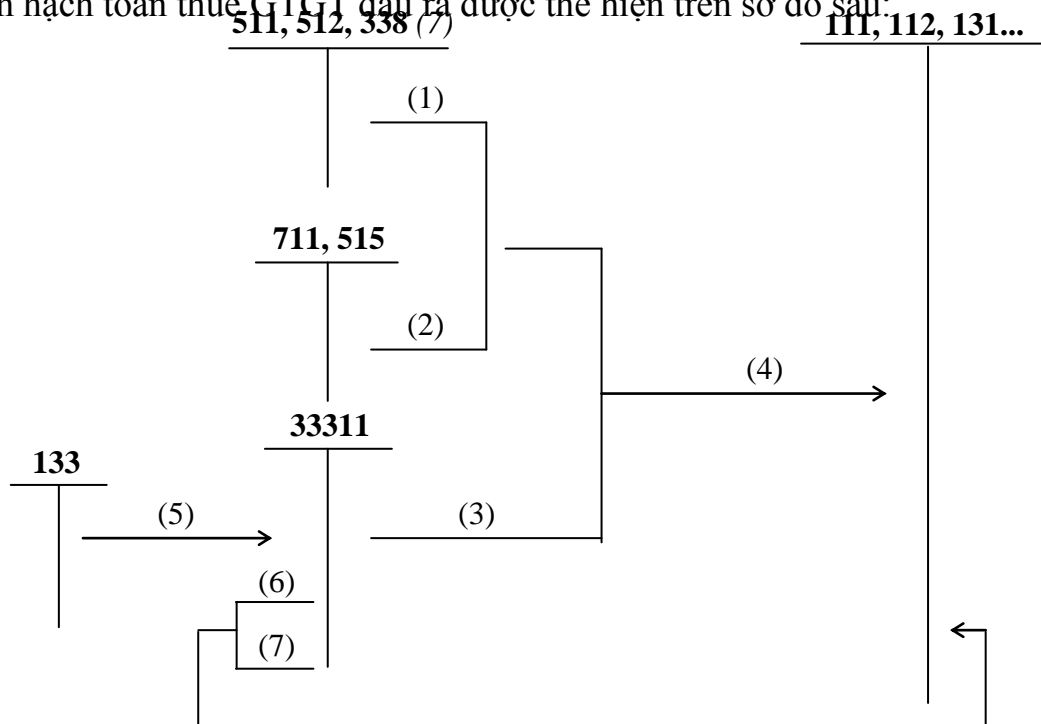
+Số thuế GTGT thực nộp vào NSNN, khi nộp ghi:

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có các TK 111, 112,.. .

Sơ đồ hạch toán thuế GTGT đầu ra.

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2) Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3) Thuế GTGT đầu ra.
- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Khấu trừ thuế GTGT.
- (6) Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7) Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

1.2.3.3.2 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là

giá đã có thuế GTGT.

- Cuối kỳ sau khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 511 : Số thuế GTGT phải nộp

Có 33311 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

- Khi nhập khẩu vật tư, hàng hóa, TSCĐ... kế toán ghi:

Nợ 152, 153, 156, 211... Giá thực tế của vật tư, hàng hóa, TSCĐ.

Có 3333 : Thuế nhập khẩu phải nộp.

Có 33312 : Thuế GTGT phải nộp.

- Nếu được giảm thuế GTGT phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 3331 : Số thuế được giảm trừ vào thuế phải nộp trong năm.

Nợ 111, 112 : Số tiền thuế được trả lại.

Có 711 : Tổng số thuế được giảm.

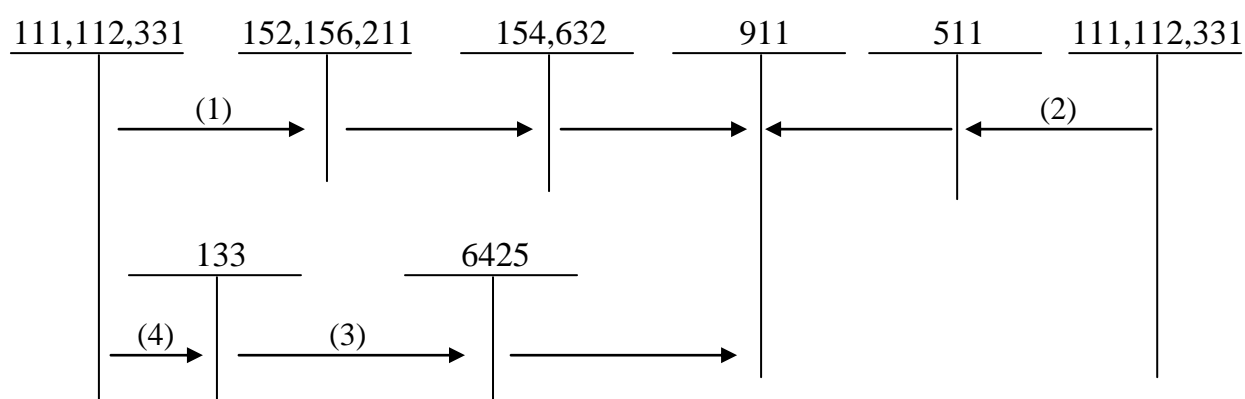
- Khi nộp thuế GTGT:

Nợ 333 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có 111, 112 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

➤ Quá trình hạch toán có thể được khái quát như sau:

Sơ đồ hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp



Giải thích:

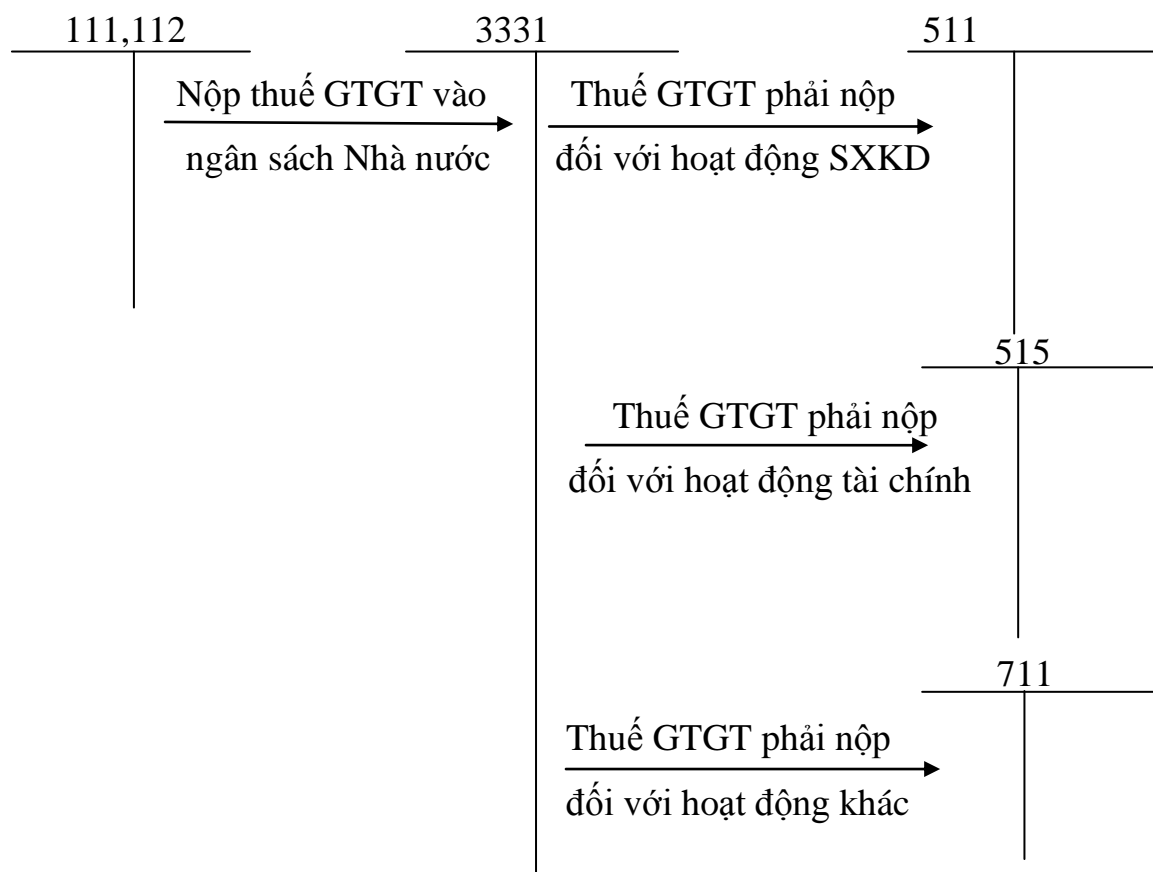
(1) Giá trị vật tư, hàng hoá thực tế nhập kho có thuế GTGT đầu vào

(2) Doanh thu bán hàng, dịch vụ có thuế GTGT phải nộp

(3) Thuế GTGT phải nộp NSNN

(4) Nộp thuế GTGT vào NSNN

➤ **Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ:**



1.2.3.4. Hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế giá trị gia tăng cũng khác nhau. Qui trình ghi sổ diễn ra như sau:

❖ **Hình thức kế toán Nhật ký chung**

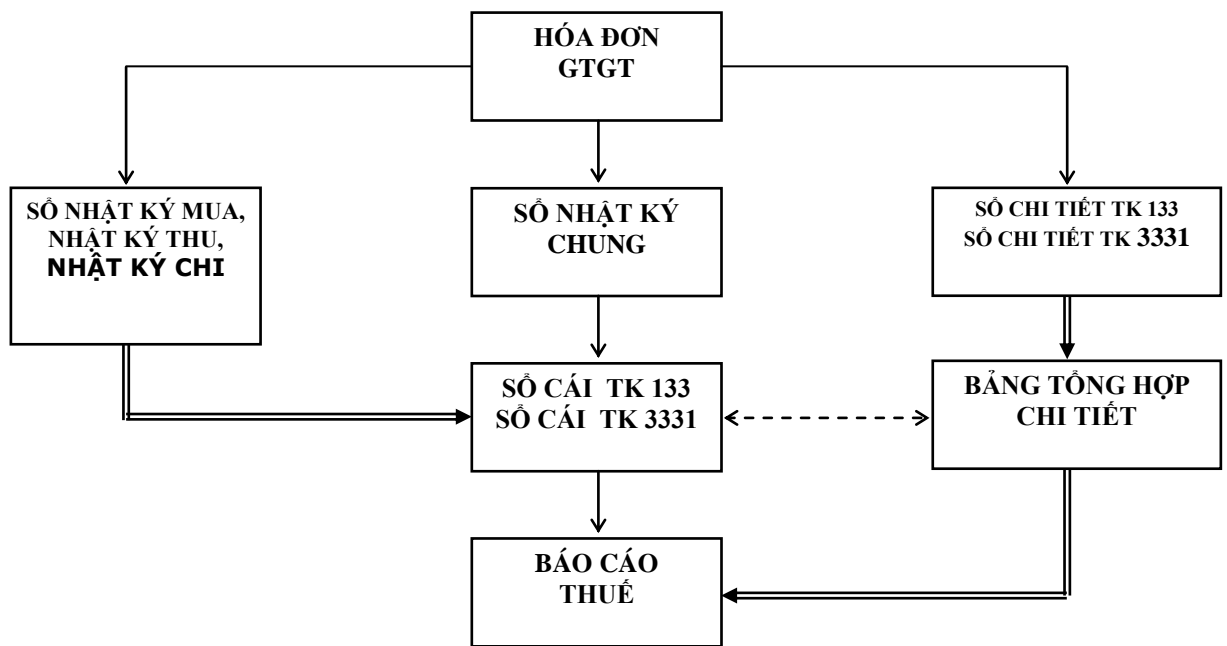
**Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung*

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

*Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ : Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong công tác tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH HẢI ÂU

2.1. Khái quát về công ty TNHH Hải Âu.

Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH Hải Âu

Địa chỉ trụ sở chính : Thị trấn Phú Thái-Huyện Kim Thành-Tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 03203 720 582

Mã số thuế : 0800029431

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty TNHH Hải Âu được thành lập từ năm 1993 theo Giấy phép số 2234/QĐ-UBND ngày 22/7/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp. Ngành nghề chủ yếu của Công ty là sản xuất xi măng.

Tiền thân của Công ty TNHH Hải Âu là xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng thuộc doanh nghiệp Nhà nước được thành lập từ năm 1985, sau đó chuyển đổi theo Nghị định 388/CP của Chính phủ.

Từ khi mới thành lập cho đến nay, Công ty đã luôn năng động trong việc tìm kiếm thị trường, không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật, đào tạo đội ngũ công nhân, cán bộ tinh nhuệ giàu kinh nghiệm để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Do nhận thức đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như những điều kiện thuận lợi và khó khăn của mình trong cơ chế thị trường hiện nay, công ty TNHH Hải Âu chuyển hướng đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu, điển hình là Công ty đã đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị có công suất sản xuất cao. Đồng thời đổi mới trong công tác tổ chức quản lý sản xuất, tăng cường đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên. Vì thế Công ty không những đứng vững trong cơ chế thị trường mà ngày càng phát triển, uy tín với khách hàng ngày càng lớn, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển lâu dài cũng như các cơ hội đầu tư làm ăn mới.

Có thể nói để đứng vững trên thị trường và không ngừng phát triển là kết quả của những cố gắng hết sức to lớn của ban Giám đốc cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu ngành nghề sản xuất và quy trình công nghệ.**2.1.2.1. Cơ cấu ngành nghề các bộ phận sản xuất.**

Công ty TNHH Hải Âu tiến hành sản xuất xi măng theo phương pháp lò đứng với thiết bị nhập của Trung Quốc, có cơ giới hoá và tự động hoá ở một số khâu chủ yếu.

Sản phẩm của Công ty là xi măng PC30.

- Các phân xưởng sản xuất:

+ Phân xưởng sấy nguyên liệu

+ Phân xưởng Clinker

+ Phân xưởng thành phẩm

+ Phân xưởng cơ điện

+ Phân xưởng sản xuất xi măng I (dây truyền I)

+ Phân xưởng sản xuất xi măng II (dây truyền II)

+ Phân xưởng đá Silic.

Công ty xi măng Hải Âu sử dụng đá vôi là nguyên liệu chính để sản xuất xi măng, đồng thời kết hợp với các nguyên liệu làm phụ gia như: đất sét sa bồi, xỉ pyxít phot phorit, than cám 4a Quảng Ninh, thạch cao mỏ Đồng Hiến Đông Hà, xỉ nhiệt điện Phả Lại, dùng mạng điện quốc gia 35KV và nguồn nước sông Kinh Thầy... là nguyên liệu, nhiên liệu để sản xuất xi măng.

2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất xi măng.

Quá trình sản xuất xi măng được tiến hành qua các khâu sau:

- Gia công nguyên liệu: Đá vôi, đất sét, thạch cao, xỉ, thanh

- Nghiền phối liệu

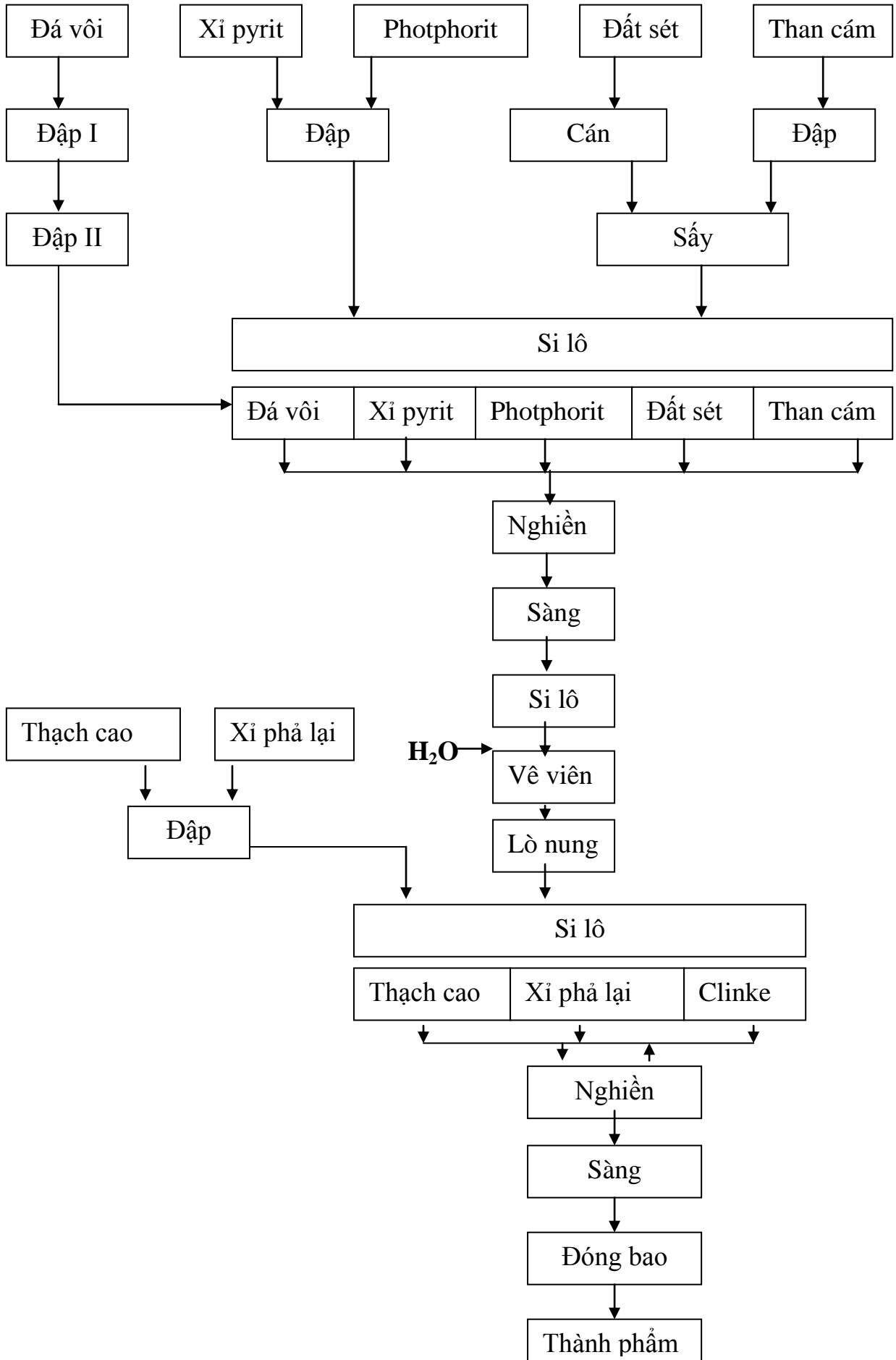
- Vê viên

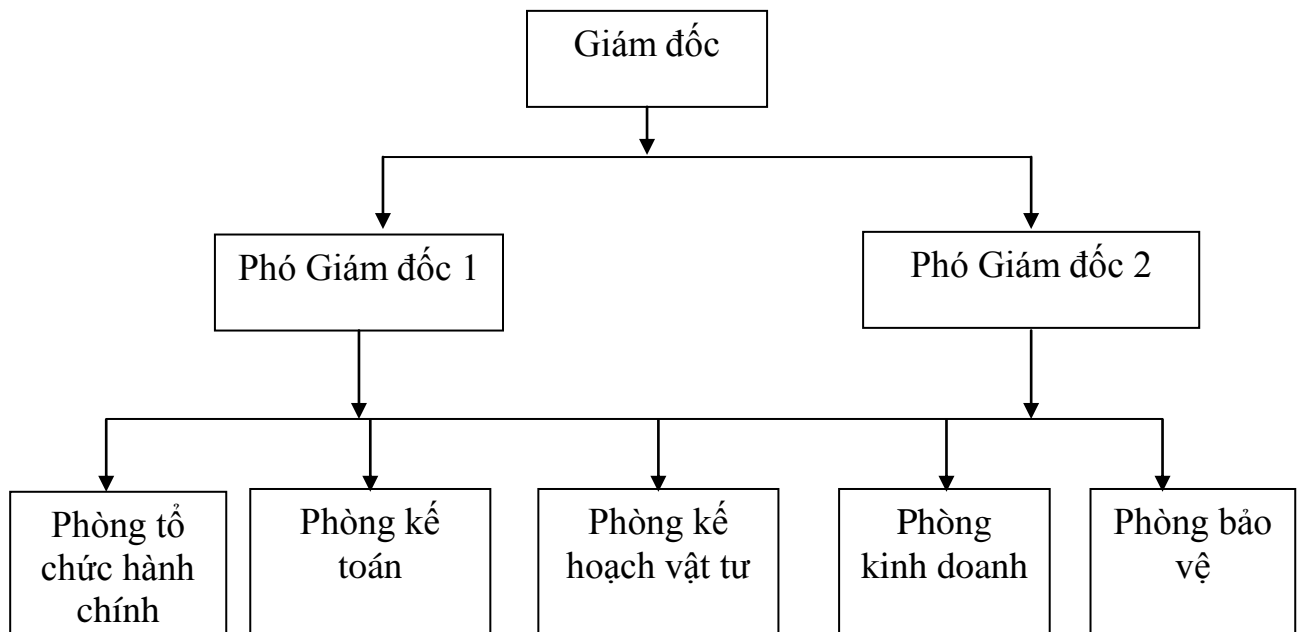
- Nung luyện Clinker

- Nghiền xi măng

- Đóng bao và xuất xi măng.

Sau đây là sơ đồ công nghệ của Công ty TNHH Hải Âu:



2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH Hải Âu.**Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty**

- Giám đốc Công ty: Là người có quyền lực cao nhất, quyết định mọi vấn đề trong Công ty và chịu trách nhiệm về tất cả việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty và trước pháp luật.

- Phó Giám đốc 1: Là Phó Giám đốc sản xuất phụ trách điều hành sản xuất toàn Công ty.

- Phó Giám đốc 2: Là Phó Giám đốc kinh doanh của Công ty phụ trách tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

- Phòng Tổ chức hành chính: Chịu trách nhiệm về nhân sự, điều hành lao động, đào tạo và phát triển tay nghề cho công nhân, ký kết hợp đồng lao động, quyết định khen thưởng, kỷ luật cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Lập các thủ tục giải quyết các chế độ, chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, hưu trí cho người lao động.

- Phòng kế toán: tổ chức hạch toán kinh tế về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, các phần hành kế toán theo đúng chế độ kế toán của nhà nước ban hành, cung cấp kịp thời chính xác các thông tin cho nhà quản lý, đối tượng cần thiết.

- Phòng kế hoạch vật tư: Phòng này có nhiệm vụ theo dõi vật tư, vật liệu trong Công ty để kịp thời cung cấp vật tư, vật liệu cho sản xuất.

- Phòng kinh doanh : có trách nhiệm giao dịch buôn bán sản phẩm cho công ty. Cùng với phó giám đốc công ty vạch định các chiến lược bán hàng có hiệu quả nhất, tiêu thụ sản phẩm cho công ty một cách nhanh nhất.

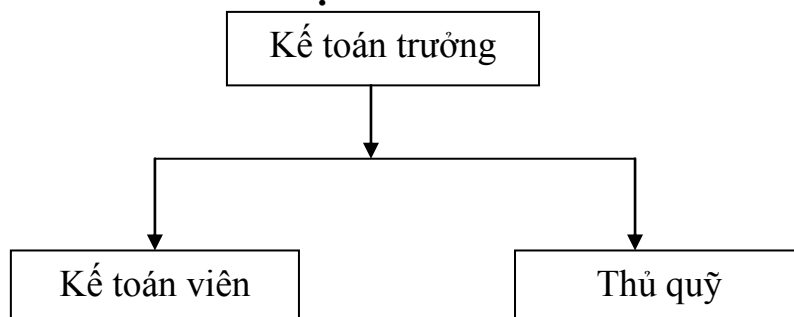
- Phòng bảo vệ: Có nhiệm vụ bảo vệ tài sản của Công ty, bảo vệ an ninh trật tự cho Công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Hải Âu.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty TNHH Hải Âu được tổ chức theo mô hình tập trung, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được tập trung tại phòng kế toán công ty. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra, thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty, từ đó tham mưu cho ban giám đốc đề ra biện pháp, các quyết định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



- Kế toán trưởng : Điều hành mọi hoạt động về công tác kế toán của Công ty, cân đối tài chính cho phù hợp với kế hoạch sản xuất đồng thời kiểm tra, kiểm soát kinh tế tài chính toàn Công ty, chịu sự điều hành của Ban Giám đốc và có trách nhiệm quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp chi phí sản xuất xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, lập các báo cáo tài chính kế toán.

- Kế toán viên : Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về nhiệm vụ được giao. Cùng kế toán trưởng kiểm tra sự hợp lệ của các chứng từ thu, chi theo quy định của Nhà Nước, phản ánh trên sổ sách đầy đủ, kịp thời về số lượng thời gian

và kết quả lao động, tính lương, các khoản trích theo lương, các khoản trợ cấp cho người lao động và tình hình thanh toán các khoản đó, phản ánh đầy đủ chính xác tình hình tăng, giảm quỹ tiền mặt, tiền gửi, ghi chép và phản ánh về số lượng, hiện trạng, giá trị tài sản cố định hiện có tại công ty cũng như tình hình tăng, giảm di chuyển tài sản và trích khấu hao tài sản cố định theo chế độ kế toán hiện hành. ghi chép và đối chiếu các khoản phải thu của khách hàng và phải trả nhà cung cấp, theo dõi tình hình xuất nhập vật tư để kịp thời phục vụ cho công tác tính giá thành.

- Thủ quỹ: Có trách nhiệm bảo quản và cấp phát tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và chứng từ chi,...lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Công ty áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”

* Niên độ kế toán được tính từ: *01/01/N đến 31/12/N*

* Đơn vị sử dụng trong ghi chép sổ kế toán : *VNĐ*

* Hình thức sổ kế toán áp dụng : *Nhật ký chung*

* Chế độ kế toán áp dụng: *Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ/BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính.*

* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Phương pháp kê khai thường xuyên*

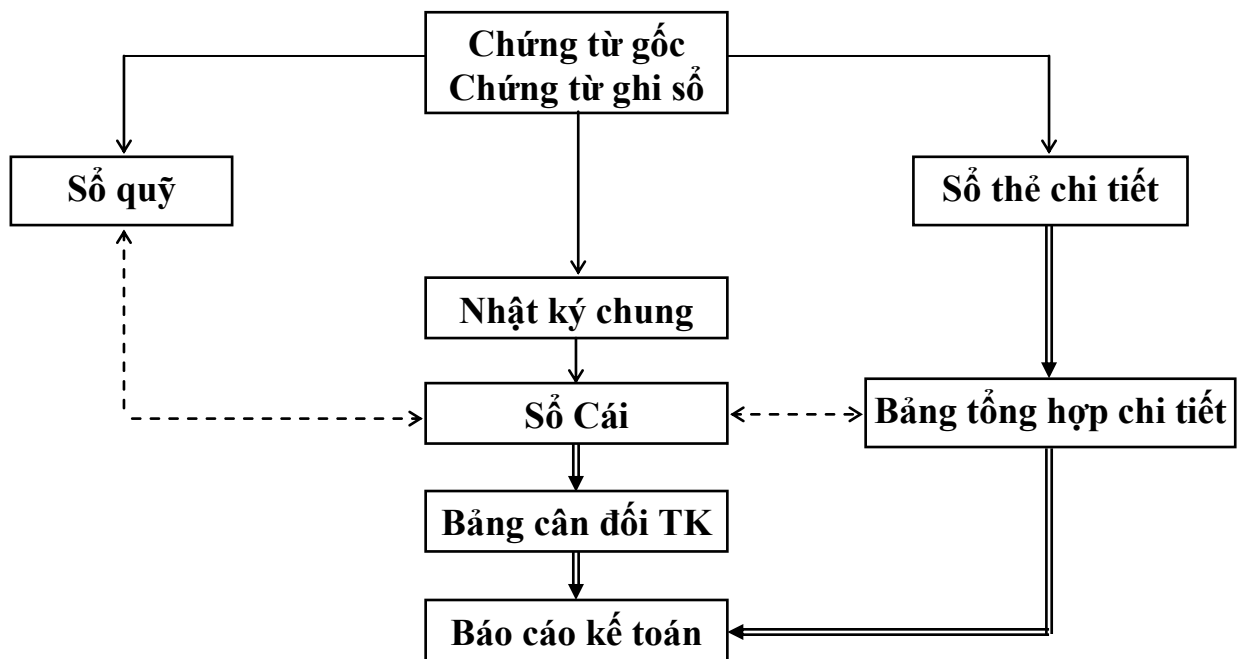
* Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: *Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.*

* Phương pháp tính thuế GTGT: *Phương pháp khấu trừ*

***Trình tự ghi sổ kế toán:**

Hiện nay, Công ty TNHH Hải Âu đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Toàn bộ quá trình kế toán của công ty được minh họa theo sơ đồ sau:



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày.

====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)

<---> Đối chiếu.

Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán vào các nhật ký chuyên dùng, đồng thời vào sổ quỹ và các sổ thẻ chi tiết, rồi từ các nhật ký chuyên dùng vào nhật ký chung và từ nhật ký chung vào sổ cái. Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết rồi đối chiếu với sổ cái, từ sổ cái tổng hợp số liệu lên bảng cân đối tài sản, cuối cùng từ bảng cân đối tài sản để lập báo cáo kế toán với hình thức nhật ký chung. Nhờ đó đảm bảo cung cấp số liệu chính xác, đầy đủ, phục vụ cho yêu cầu quản lý.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.

Toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hay từ bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Về hoá đơn bán hàng, Công ty sử dụng hoá đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính.

Hiện nay, Công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành, có thể chia thành các loại chứng từ như sau:

Loại 1: Chứng từ về lao động tiền lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, Giấy chứng nhận hưởng BHXH, Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH, Phiếu xác nhận sản phẩm, công việc hoàn thành, Hợp đồng giao khoán.

Loại 2 : Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm nghiệm, Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ, Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Loại 3: Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn giá trị gia tăng, Hóa đơn thu mua hàng ...

Loại 4: Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Biên lai thu tiền, Biên bản kiểm kê quỹ.

Loại 5: Chứng từ về tài sản cố định: Biên bản giao nhận, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành, Biên bản đánh giá lại TSCĐ.

2.1.4.4. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành *tại quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

* Công ty áp dụng hình thức sổ "Nhật ký chung", rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

* Hình thức ghi sổ: kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

* Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC .

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2. Thực trạng tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Hải Âu.

2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng:

➤ Mức thuế suất 10%:

Đây là mức thuế suất được áp dụng với các mặt hàng của Công ty.

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào như: Điện, xăng dầu, cát đá, clanhke, silic, các dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông,...
- Đối với hàng hoá bán ra: Xi măng

2.2.2. Phương pháp tính thuế.

Công ty TNHH Hải Âu áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của nhà nước.

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01 GTKT.

Gồm 3 liên: Liên 1: lưu

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Dùng thanh toán

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.

- Bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ hoá đơn đặc thù khác.

*Số thuế giá trị gia tăng phải nộp hàng kỳ của công ty (theo phương pháp khấu trừ) được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{c} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{đầu ra} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Số thuế GTGT đầu} \\ \text{vào được khấu trừ} \end{array}$$

Trong đó:

a) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế

của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.

b) Thuế GTGT đầu vào (=) tổng số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT tại công ty

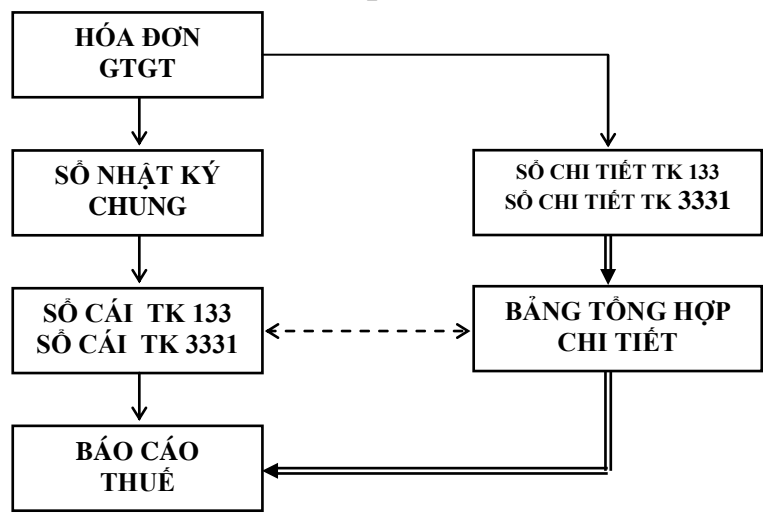
Để hạch toán thuế GTGT công ty sử dụng TK 133 và TK 3331.

- TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
 - TK 1331 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ
- TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng
 - TK 33311 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản TK 133, TK 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 133, TK 3331

***Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau:**



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra.

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, hoặc sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và TK 3331.

2.2.4. Hạch toán ban đầu kế toán thuế GTGT.

2.2.4.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào.

- Tài khoản sử dụng: TK 133 "Thuế GTGT được khấu trừ"

- TK này sử dụng cho những đối tượng khấu trừ thuế, thuộc nhóm TK phải thu.

Tài khoản 133 có 2 TK cấp 2:

1331 "Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ"

1332 "Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ"

❖ Một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu vào: Gồm:

- ✓ Hoá đơn GTGT do người bán cấp khi mua nguyên vật liệu dùng cho sản xuất.
- ✓ Hoá đơn GTGT do người cung cấp dịch vụ vận chuyển giao khi thuê vận chuyển.
- ✓ Hoá đơn dịch vụ viễn thông.
- ✓ Hóa đơn tiền điện.
- ✓ Hóa đơn GTGT và mẫu hóa đơn.

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

✚ Ngày 3/12/2010 mua dầu diezen của cửa hàng xăng dầu Phú Thái theo hóa đơn GTGT số AA/2010T-0632115. Trong đó tiền hàng là: 9.553.050, tiền thuế GTGT(10%) là 919.450đ

✚ Ngày 7/12/2010 công ty trả tiền điện thoại theo hóa đơn GTGT số AA/2010T-638702. Trong đó tiền thuế GTGT(10%) là 22.558đ.

✚ Ngày 11/12/2010 công ty mua clanhke của công ty Phùng Hưng theo hóa đơn số NC/2010B-0010942. Trong đó tiền hàng là 274.313.182, tiền thuế GTGT(10%) là 27.431.318đ.

✚ Ngày 14/12/2010 công ty trả tiền vận chuyển clanhke cho công ty

TNHH Trung Thành theo hóa đơn số RB/2010B-0000414. Trong đó tiền hàng là 21.638.000, tiền thuế GTGT(10%) là 2.163.800đ.

✚ Ngày 20/12/2010 công ty trả tiền điện cho điện lực Hải Dương theo hóa đơn GTGT số AA/2010T-3649777. Tổng cộng tiền thanh toán là 49.559.620, trong đó tiền thuế GTGT (10%) là 4.505.420đ.

✚ Ngày 23/12/2010 công ty mua clanhke của công ty TNHH Tiến Nam theo hóa đơn số AV/2010B-0094083. Trong đó tiền hàng là 121.165.000, tiền thuế GTGT (10%) là 12.116.500đ.

✚ Ngày 25/12/2010 công ty mua vỏ bao của DN Phúc Khánh theo hóa đơn GTGT số GH/2010B-0020146. Tổng cộng tiền thanh toán là 88.000.000đ, trong đó tiền thuế GTGT(10%) là 8.000.000đ.

✚ Ngày 31/12/2010 mua hóa đơn GTGT của công ty in và dịch vụ Đức Minh theo hóa đơn số PX/2010B-0071356. Tổng cộng tiền thanh toán là 4.136.000đ, trong đó tiền thuế GTGT(10%) là 376.000đ.

➤ Căn cứ vào HĐGTGT kế toán ghi Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 133, Sổ Cái TK 133 và phản ánh vào phần mềm kê khai thuế doanh nghiệp đang áp dụng.

Hoá đơn (GTGT)

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

Liên 2: Giao khách hàng

RB/2010B

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

0000414

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH

Địa chỉ : TT PHU THAI- KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Điện thoại :..... MST:0800301334

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH HẢI ÂU

Địa chỉ: TT PHU THAI- KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

MS:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 8 | 0 | 0 | 0 | 2 | 9 | 4 | 3 | 1 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|-----------------------|-----------------|----------|---------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1x2 |
| | Vận chuyển clanhke | Tấn | 432.76 | 50.000 | 21.638.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 21.638.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 2.163.800 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 23.801.800 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi ba triệu tám trăm linh một nghìn tám trăm đồng</i> | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoá đơn (GTGT)

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

Liên 2: Giao khách hàng

GH/2008B

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

0020146

Đơn vị bán hàng : DOANH NGHIỆP PHÚC KHÁNH

Địa chỉ : Xóm 7- Hoàng Diệu- Thái Bình

Điện thoại :..... MST:1000331613

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH HẢI ÂU

Địa chỉ: TT PHU THAI- KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

MS:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 8 | 0 | 0 | 0 | 2 | 9 | 4 | 3 | 1 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|-----------------------------------|-----------------|----------|---------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1x2 |
| | Vỏ bao PP đã in và máy hoàn thiện | cái | 40.000 | 2000 | 80.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 80.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 8.000.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 88.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám mươi tám triệu đồng chẵn</i> | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Từ 01/12/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

| NT | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------|--------------|-------|---|-------|---------------|---------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 03/12 | PC 01/12 | 03/12 | Mua dầu diezen của cửa hàng xăng dầu Phú Thái | 154 | 9.553.000 | |
| | | | | 133 | 919.450 | |
| | | | | 111 | | 10.472.500 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 07/12 | PC 03/12 | 07/12 | Trả tiền điện thoại | 154 | 225.577 | |
| | | | | 133 | 22.558 | |
| | | | | 111 | | 248.165 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 11/12 | UNC 02/12 | 11/12 | Mua clanhke của công ty Phùng Hưng | 154 | 274.313.182 | |
| | | | | 133 | 27.431.318 | |
| | | | | 112 | | 301.744.500 |
| 14/12 | PNK 04/12 | 14/12 | Vận chuyển clanhke về kho Hải Âu | 154 | 21.638.000 | |
| | | | | 133 | 2.163.800 | |
| | | | | 112 | | 23.801.800 |
| 20/12 | UNC 03/12 | 20/12 | Trả tiền điện sản xuất | 154 | 45.054.200 | |
| | | | | 133 | 4.505.420 | |
| | | | | 112 | | 49.559.620 |
| 23/12 | PC 05/12 | 23/12 | Nộp tiền thuế GTGT | 3331 | 2.968.849 | |
| | | | | 111 | | 2.968.849 |
| 23/12 | PKT 05/12 | 23/12 | Mua clanhke của công ty Tiến Nam | 154 | 121.165.000 | |
| | | | | 133 | 12.116.400 | |
| | | | | 112 | | 133.281.400 |
| 25/12 | UNC 05/12 | 25/12 | Mua vỏ bao của DN Phúc Khánh | 154 | 80.000.000 | |
| | | | | 133 | 8.000.000 | |
| | | | | 112 | | 88.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng tháng 12 | | 6.265.895.245 | 6.265.895.245 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH HẢI ÂU
THỊ TRẦN PHÚ THÁI-KIM THÀNH-HẢI DƯƠNG

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ : 0

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|---------------------|--|--------------------------------------|---------------|-------------------|------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 3/12 | AA/2010T 0632115 | Công ty xăng dầu Hải Dương | Mua dầu diesel | 1111 | 919.450 | |
| 7/12 | AB/2010T 638702 | Viễn thông Hải Dương | Thanh toán tiền điện thoại | 1111 | 22.558 | |
| 31/12 | PX/2010B 0071356 | CTCP In và dịch vụ Đức Minh | In hóa đơn GTGT | 1111 | 376.000 | |
| | | | Cộng đối ứng TK 1111 | | 1.318.008 | |
| 11/12 | NC/2010B 0010942 | Công ty thương mại và vận tải Phùng Hưng | Mua clanhke | 1121 | 27.431.318 | |
| 14/12 | RB/2010B 0000414 | Công ty TNHH Trung Thành | Mua clanhke | 1121 | 2.163.800 | |
| 20/12 | AA/2010T 3649777 | Cty điện lực Hải Dương | Thanh toán tiền điện sản xuất | 1121 | 4.505.420 | |
| 23/12 | AV/2010B 0094083 | Công ty TNHH Tiên Nam | Mua clanhke | 1121 | 12.116.400 | |
| 25/12 | GH/2010B 0020146 | Doanh nghiệp Phúc Khánh | Mua vỏ bao | 1121 | 8.000.000 | |
| | | | Cộng đối ứng TK 1121 | | 59.866.248 | |
| 31/12 | PKT 12 | | K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra | 3331 | | 61.184.256 |

Tổng phát sinh nợ : 61.184.256

Tổng phát sinh có : 61.184.256

Số dư nợ cuối kỳ : 0

CÔNG TY TNHH HẢI ÂU
THỊ TRẦN PHÚ THÁI-KIM THÀNH-HẢI DƯƠNG

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Năm: 2010

Từ ngày 01/12/10

Đến ngày 31/12/10

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày tháng | Chứng từ | | Diễn giải | SHT KĐ Ư | Số tiền | |
|------------|--------------|------------|--|----------------|------------|------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | Dư đầu kỳ | | - | |
| | | | SPS Trong tháng | | | |
| 3/12 | PC 01/12 | 3/12 | Mua dầu diêzn | 111 | 919.450 | |
| 7/12 | PC 02/12 | 7/12 | Thanh toán tiền điện thoại | 111 | 22.558 | |
| 11/12 | UNC 02/12 | 11/12 | Mua clanhke của công ty Phùng Hưng | 112 | 27.431.318 | |
| 14/12 | PNK 04/12 | 14/12 | Mua clanhke của công ty TNHH Trung Thành | 112 | 2.163.800 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/12 | UNC 03/12 | 20/12 | Thanh toán tiền điện sản xuất | 112 | 4.505.420 | |
| 23/12 | PKT 05/12 | 23/12 | Mua clanhke của cty Tiến Nam | 112 | 12.116.400 | |
| 25/12 | UNC 05/12 | 25/12 | Mua vỏ bao của DN Phúc Khánh | 112 | 8.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PC 11/12 | 31/12 | In hóa đơn GTGT | 111 | 376.000 | |
| 31/12 | PKC | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT | 333 1 | | 61.184.256 |
| | | | Cộng SPS | | 61.184.256 | 61.184.256 |
| | | | SDCT | | - | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đối với những hàng hoá, dịch vụ đơn vị mua của những tổ chức, cá nhân tự sản xuất, những sản phẩm mới qua sơ chế thông thường sách, báo, tạp chí, những dịch vụ như: khám chữa bệnh, bảo hiểm... hoặc những hàng hoá dịch vụ mua của những cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh nghiệp không khấu trừ thuế đầu vào vì theo phần B mục III có qui định như sau:

"Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào. Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp hoá đơn GTGT không ghi đúng qui định của pháp luật".

Như vậy, khi mua hàng dịch vụ không có hoá đơn hoặc hoá đơn GTGT không hợp lệ hoặc không phải hoá đơn GTGT thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Công ty TNHH Hải Âu đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ Tài chính trong việc kê khai, khấu trừ thuế đầu vào. Điều này không phải doanh nghiệp nào cũng làm đúng.

2.2.4.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra.

-Tài khoản sử dụng: TK 3331 "Thuế GTGT phải nộp"

TK này có thể có số dư Có hoặc số dư Nợ

SD Có: Số thuế GTGT còn phải nộp

SD Nợ: Số thuế GTGT hiện nộp thừa

TK 3331 được quy định có 2 TK cấp 3

+ 33311 "thuế GTGT đầu ra"

+ 33312 "Thuế GTGT hàng nhập khẩu"

❖ Chứng từ phản ánh nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu ra là các hóa đơn GTGT do doanh nghiệp lập khi bán sản phẩm hàng hóa.

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ:

📅 Ngày 05/12/2010 bán xi măng cho công ty TNHH Trung Thành, hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081065, doanh thu bán chưa thuế là 338.181.900, thuế GTGT là 33.818.100

📅 Ngày 06/12/2010 bán xi măng cho công ty TNHH Môi Trường Xanh,

hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081066, doanh thu bán chưa thuế là 6.136.400, thuế GTGT là 613.600đ.

✚ Ngày 08/12/2010 bán lẻ xi măng cho ông Nhật, hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081067, doanh số bán chưa thuế là 11.272.800, thuế GTGT của hàng bán ra là 1.127.200

✚ Ngày 10/12/2010 bán lẻ xi măng cho bà Nguyễn Thị Hồng Nhung, hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081068, doanh số bán chưa thuế là 270.836.400, thuế GTGT của hàng bán ra là 27.083.600đ.

✚ Ngày 14/12/2010 bán xi măng cho công ty TNHH Cường Thịnh, hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081069, doanh số bán chưa thuế là 25.300.000, thuế GTGT của hàng bán ra là 2.530.000đ.

✚ Ngày 16/12/2010 bán xi măng cho ông Lân, hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081070, doanh số bán chưa bao gồm thuế GTGT là 16.909.100, thuế GTGT là 1.690.900đ.

➤ Căn cứ vào HĐGTGT kế toán ghi Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 3331, Sổ Cái TK 333 và phản ánh vào phần mềm kê khai thuế doanh nghiệp đang áp dụng.

Hoá đơn (GTGT)

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

Liên 3: Nội bộ

NC/2010B

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

0081065

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH HẢI ÂU

Địa chỉ : PHÚ THÁI - KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Điện thoại :..... MST:0800029431

Họ tên người mua hàng: *Nguyễn Thị Huyền Thương*

Đơn vị : CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH

Địa chỉ : TT PHÚ THÁI- KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

MS:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 8 | 0 | 0 | 3 | 0 | 1 | 3 | 3 | 4 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|-----------------------|-----------------|----------|-----------|--------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1x2 |
| | Xi măng Trung Thạch | Tấn | 600 | 563.636,4 | 338.181.900 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 338.181.900 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 33.818.100 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 372.000.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn</i> | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hoá đơn (GTGT)

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL

Liên 3: Nội bộ

NC/2010B

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

0081069

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH HẢI ÂU

Địa chỉ : PHÚ THÁI - KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Điện thoại :..... MST:0800029431

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị : CÔNG TY TNHH CƯỜNG THỊNH

Địa chỉ : TT PHÚ THÁI- KIM THÀNH- HẢI DƯƠNG

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

MS:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 8 | 0 | 0 | 0 | 9 | 8 | 2 | 9 | 8 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---------------------------------|-------------|----------|---------|-------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1x2 |
| | Gia công xi măng Cường Thịnh | Tấn | 230 | 110.000 | 25.300.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 25.300.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: | | | | | 2.530.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 27.830.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai bảy triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng chẵn</i> | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH HẢI ÂU
THỊ TRẦN PHÚ THÁI-KIM THÀNH-HẢI DƯƠNG

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Từ 01/12/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

| NT | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|-------|--------------|-------|--|-------|---------------|---------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 05/12 | PKT 02/12 | 05/12 | Bán xi măng cho công ty Trung Thành | 131 | 372.000.000 | |
| | | | | 511 | | 338.181.900 |
| | | | | 3331 | | 33.818.100 |
| | | | Trị giá vốn hàng bán | 632 | 318.000.000 | |
| | | | | 155 | | 318.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 06/12 | PT 02/12 | 07/12 | Bán xi măng cho công ty TNHH Môi Trường Xanh | 111 | 6.750.000 | |
| | | | | 511 | | 6.136.400 |
| | | | | 3331 | | 613.640 |
| | | | Trị giá vốn hàng bán | 632 | 4.770.000 | |
| | | | | 155 | | 4.770.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 08/12 | PT 03/12 | 08/12 | Bán lẻ xi măng cho ông Nhật | 111 | 12.400.000 | |
| | | | | 511 | | 11.272.800 |
| | | | | 3331 | | 1.127.280 |
| | | | Trị giá vốn hàng bán | 632 | 10.600.000 | |
| | | | | 155 | | 10.600.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 14/12 | LTT 02/12 | 14/12 | Gia công xi măng cho công ty Cường Thịnh | 112 | 27.830.000 | |
| | | | | 511 | | 25.300.000 |
| | | | | 3331 | | 2.530.000 |
| | | | Trị giá vốn hàng bán | 632 | 16.000.000 | |
| | | | | 155 | | 16.000.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 16/12 | PT 05/12 | 16/12 | Bán lẻ xi măng cho ông Phạm Văn Lân | 111 | 18.600.010 | |
| | | | | 511 | | 16.909.100 |
| | | | | 3331 | | 1.690.910 |
| | | | Trị giá vốn hàng bán | 632 | 15.900.000 | |
| | | | | 155 | | 15.900.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| 23/12 | PC 05/12 | 23/12 | Nộp tiền thuế GTGT | 3331 | 2.968.849 | |
| | | | | 111 | | 2.968.849 |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| | | | Tổng cộng tháng 12 | | 6.265.895.245 | 6.265.895.245 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH HẢI ÂU
THỊ TRẦN PHÚ THÁI-KIM THÀNH-HẢI DƯƠNG

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 3331 - Thuế GTGT phải nộp
Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ : 0

| Chứng từ | | Khách hàng | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|---------------------|--------------------------|--------------------------------------|---------------|--------------|-------------------|
| Ngày | Số | | | | Nợ | Có |
| 05/12 | NC/2110N 0081065 | Công ty TNHH Trung Thành | Bán xi măng Trung Thạch | 131 | | 33.818.100 |
| 10/12 | NC/2110N 0081068 | Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung | Bán xi măng Trung Thạch | 131 | | 27.083.600 |
| 14/12 | NC/2110N 0081069 | Công ty TNHH Cường Thịnh | Bán xi măng Trung Thạch | 131 | | 2.530.000 |
| 16/12 | NC/2110N 0081071 | Công ty TNHH Trung Thành | Bán xi măng Trung Thạch | 131 | | 11.272.700 |
| | | | Cộng đối ứng tài khoản 131 | | | 76.704.400 |
| 06/12 | NC/2110N 0081066 | Công ty Môi trường xanh | Bán xi măng Trung Thạch | 111 | | 613.600 |
| 08/12 | NC/2110N 0081067 | Ông Bùi Văn Nhật | Bán xi măng Trung Thạch | 111 | | 1.127.200 |
| 16/12 | NC/2110N 0081070 | Ông Lân | Bán xi măng Trung Thạch | 111 | | 1.690.900 |
| | | | Cộng đối ứng tài khoản 111 | | | 3.431.700 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT 11 | | K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra | 1331 | 61.184.256 | |

Tổng phát sinh nợ : 61.184.256

Tổng phát sinh có : 80.136.100

Số dư nợ cuối kỳ : 18.951.844

SỔ CÁI*Tên TK: Thuế GTGT phải nộp nhà nước**Số hiệu: 333**Năm: 2010***Từ ngày 01/12/10****Đến ngày 30/12/10**

Đơn vị: VNĐ

| Ngày tháng | Chứng từ | | Diễn giải | SHT KĐƯ | Số tiền | |
|--------------|--------------------------|--------------|---|------------|-------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | Dư đầu kỳ | | - | |
| | | | SPS Trong kỳ | | | |
| 05/12 | PKT 02/12 | 05/12 | Bán xi măng cho cty Trung Thành | 131 | | 33.818.100 |
| 06/12 | PT 02/12 | 06/12 | Bán xi măng cho công ty Môi Trường xanh | 111 | | 613.600 |
| 08/12 | PT 03/12 | 08/12 | Bán xi măng cho ông Nhật | 111 | | 1.127.200 |
| 10/12 | PKT 03/12 | 10/12 | Bán lẻ xi măng cho bà Nhưng | 131 | | 27.083.600 |
| 14/12 | LTT 02/12 | 14/12 | Gia công xi măng cho công ty Cường Thịnh | 131 | | 2.530.000 |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 16/12 | PT 06/1 2 | 16/12 | Bán xi măng cho ông Lân | 111 | | 1.690.900 |
| 31/12 | PKT | 31/12 | Thuế GTGT được khấu trừ | 133 | 61.184.256 | |
| | | | Cộng SPS | | 61.184.256 | 80.136.100 |
| | | | SDCK | | | 18.951.844 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. kê khai, khấu trừ và nộp thuế GTGT.

2.2.5.1. kê khai thuế.

Hàng tháng sau khi xác định số thuế GTGT phải nộp, số thuế đã nộp, kê toán xác định số thuế cần phải nộp, số thuế đã nộp thừa vào ngân sách nhà nước, trên cơ sở đó kê toán lập tờ khai thuế GTGT theo mẫu quy định 01/GTGT do Bộ tài chính phát hành. Căn cứ để lập tờ khai thuế gồm bảng kê khai hoá đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-2/GTGT, bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra mẫu số 01-1/GTGT, số cái tài khoản 333 ...

Sau khi lập tờ khai thuế GTGT, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ quan thuế kèm theo bảng tổng hợp, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào và bảng tổng hợp, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra. Theo quy định thời gian gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là trong mười ngày đầu tháng tiếp theo.

★ Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng:

Để thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh và chính xác hiện nay Công ty TNHH Hải Âu đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ cung cấp cho Công ty các chức năng sau :

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.

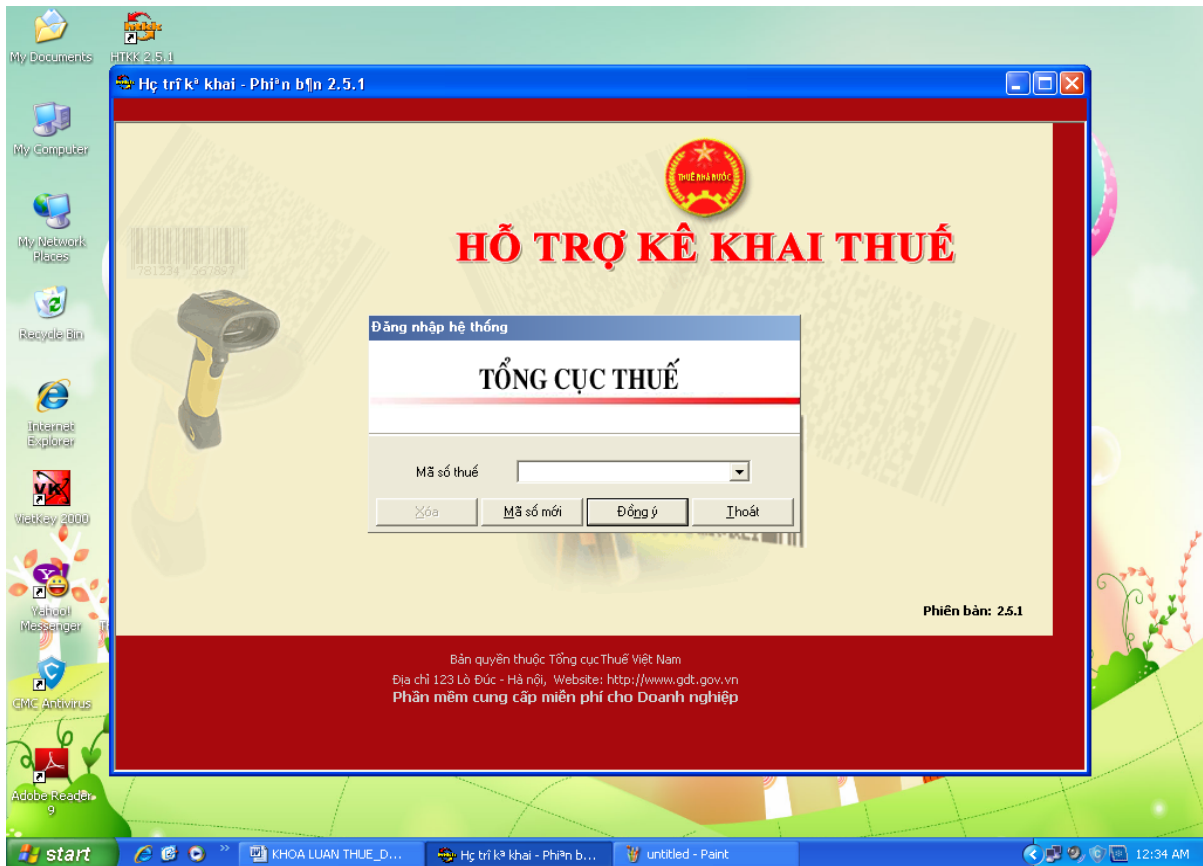
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, kê khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hoá thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ,

chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này).

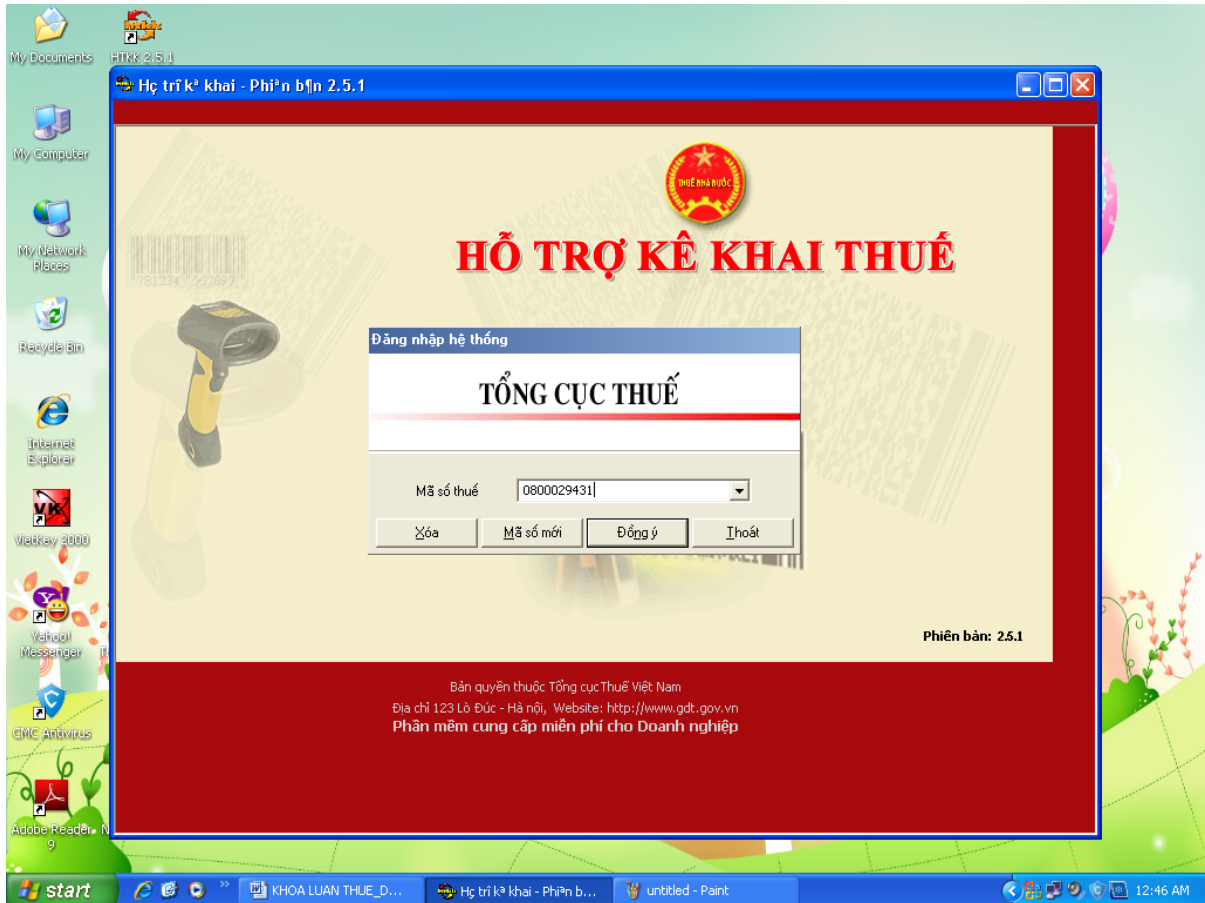
Hiện nay Công ty TNHH Hải Âu đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1 với giao diện như hình sau:



➤ Giới thiệu về cách sử dụng phần mềm để kê khai thuế giá trị gia tăng.

Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế “. Sau đó kích chuột vào chữ “ Đồng ý “

Mã số thuế của công ty TNHH Hải Âu là 0800029431.



Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau :

The screenshot shows a software window titled "Thông tin chung về người nộp thuế". The form contains the following fields and values:

- Mã số thuế: 0 8 0 0 0 2 9 4 3 1 -
- Người nộp thuế: * Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Âu
- Địa chỉ trụ sở: * Thị trấn Phú Thái
- Quận/ huyện: * Kim Thành
- Tỉnh/ Thành phố: * Hải Dương
- Điện thoại: 03203 720 582
- Fax: 03203 720 582
- Email:
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất Xi măng-Kinh doanh vật liệu xây dựng
- Số TK ngân hàng:
- Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01
- Người ký tờ khai:
- Cơ quan thuế cấp Cục: * HDU - Cục Thuế Tỉnh Hải Dương (dropdown) 10700 (dropdown)
- Cơ quan thuế quản lý: * Chi cục Thuế Huyện Kim Thành (dropdown) 10711 (dropdown)

At the bottom of the window, there are buttons for "Ghi" (Save) and "Đóng" (Close). The Windows taskbar at the bottom shows the Start button, several open applications, and the system clock displaying 12:50 AM.

Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như :

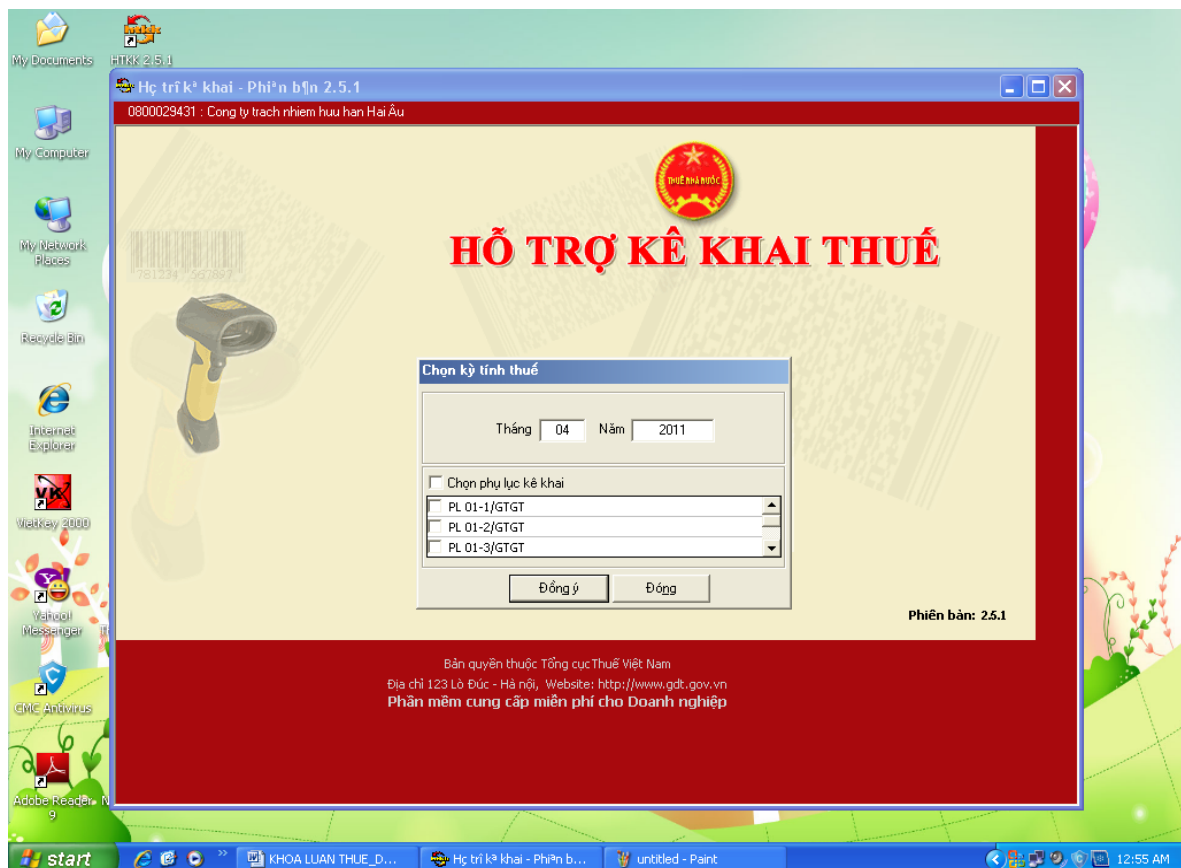
- Người nộp thuế : ở đây phải điền là “ Công ty TNHH Hải Âu “
- Địa chỉ trụ sở : ở đây điền là “ Thị trấn Phú Thái “
- Quận/ huyện : ở đây điền là “ Kim Thành “
- Tỉnh/ thành phố : ở đây điền là “ Hải Dương “
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính : ở đây điền là “ 01/01 “
- Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn " HDH- Cục thuế Tỉnh Hải Dương"
- Cơ quan thuế quản lý : là chi cục thuế các quận, huyện và thành phố. Ở đây ta chọn " Chi cục thuế huyện Kim Thành "

Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “ Ghi “ sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công “, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “

Đóng “. Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT)”. Giao diện tiếp theo là :



Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “ PL 01-1/GTGT “ và “ PL 01-2/GTGT “ Hoặc cũng có thể kích chuột vào " chọn phụ lục kê khai " để chọn tất cả các phiếu lập rồi sau đó kích chuột vào “ đồng ý “. Kế toán chỉ sử dụng “ PL 01-3/GTGT “ sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “.

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT “ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

BẢNG KẾ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

| STT | Hoá đơn, chứng từ bán | | | Tên người mua | Mã số thuế người mua | Mặt hàng | Doanh số bán chưa có thuế | Thuế suất (%) | Thuế GTGT | |
|---|-----------------------|------------|----------------------------|---------------|----------------------|----------|--------------------------------|---------------|-----------|--|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | |
| 1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT: | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 | |
| 2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%: | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0% | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0% | 0 | |
| 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%: | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 5% | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | 5% | 0 | |
| 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%: | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 10% | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | 10% | 0 | |
| Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra: | | | | | | | <input type="text" value="0"/> | | | |
| Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra: | | | | | | | <input type="text" value="0"/> | | | |

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra:

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ :

Ngày 05/12/2010 công ty TNHH Hải Âu bán xi măng cho công ty TNHH Trung Thành, hóa đơn GTGT số NC/2010B-0081065, doanh thu bán chưa thuế là 338.181.900, thuế GTGT (10%) là 33.818.190.

➤ Kế toán tiến hành kê khai vào phần mềm " hỗ trợ kê khai thuế " như sau :

Kê khai vào phần 4: Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%.

Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là NC/2010B
- Số hoá đơn : là 0081065
- Ngày, tháng năm phát hành : 05/12/2010
- Tên người mua : là Công ty TNHH Trung Thành
- Mã số thuế người mua : 0800301334
- Mặt hàng : Xi măng Trung Thạch
- Doanh số bán chưa có thuế : 338.181.900
- Thuế suất : 10%
- Thuế giá trị gia tăng : 33.818.190.

➤ Đền hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ " ghi ". Tiếp đó hiện lên dòng chữ " Đã ghi số liệu thành công ". Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ " Đóng ". Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Hệ thống khai - Phiên bản 2.5.1
 Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

| STT | Hoá đơn, chứng từ bán | | | Tên người mua | Mã số thuế người mua | Mặt hàng | Doanh số bán chưa có thuế | Thuế suất (%) | Thuế GTGT |
|---|-----------------------|------------|----------------------------|----------------------------|----------------------|------------------|---------------------------|---------------|-------------------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 |
| 2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0% | | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0% | 0 |
| 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 5% | | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 5% | 0 |
| 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%: | | | | | | | | | |
| 1 | NC/2010B | 0081065 | 05/12/2010 | Công ty TNHH Trung Thành | 0800301334 | Xi măng | 338.181.900 | 10% | 33.818.100 |
| 2 | NC/2010B | 0081066 | 06/12/2010 | Công ty TNHH SX dịch vụ TM | 0800287432 | Xi măng | 6.136.400 | 10% | 613.600 |
| 3 | NC/2010B | 0081067 | 08/12/2010 | Bùi Văn Nhật | | Xi măng | 11.272.800 | 10% | 1.127.200 |
| 4 | NC/2010B | 0081068 | 10/12/2010 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | | Xi măng | 290.836.400 | 10% | 29.083.600 |
| 5 | NC/2010B | 0081069 | 14/12/2010 | Công ty TNHH Cuong Thinh | 0800098298 | Gia công xi măng | 25.300.000 | 10% | 2.530.000 |
| 6 | NC/2010B | 0081070 | 16/12/2010 | Phạm Văn Lân | | Xi măng | 16.909.100 | 10% | 1.690.900 |
| 7 | NC/2010B | 0081071 | 16/12/2010 | Công ty TNHH Trung Thành | 0800301334 | Xi măng | 112.727.300 | 10% | 11.272.700 |
| Tổng | | | | | | | 801.363.900 | 10% | 80.136.100 |
| Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra: | | | | | | | 801.363.900 | | |
| Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra: | | | | | | | 80.136.100 | | |

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT / PL 01-3/GTGT / PL 01-4A/GTGT / PL 01-4B/GTGT / PL 01-1

Bấm F5 - Thêm dòng
 Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục / Nhập lại / Ghi / In / Xóa / Kết xuất / Đóng

Giao diện trên là bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra tháng 12 năm 2010.

Ta thấy :

- Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra trong tháng 12/2010 là
 801.363.900đ

- Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra trong tháng 12 là
 80.136.100đ

Mẫu số: **01- 1/GTGT**
 (Ban hành kèm theo Thông
 tư số 60/2007/TT-BTC
 ngày

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/

Kỳ tính thuế: Tháng.12. năm 2010.

Người nộp thuế: Công ty TNHH Hai Au
 Mã số thuế: 0 8 0 0 0 2 9 4 3 1

| STT | Hoá đơn, chứng từ bán | | | Tên người mua | Mã số người mua |
|--|-----------------------|------------|----------------------------|------------------------------|-----------------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] |
| 1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT: | | | | | |
| Tổng | | | | | |
| 2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%: | | | | | |
| Tổng | | | | | |
| 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%: | | | | | |
| Tổng | | | | | |
| 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%: | | | | | |
| 1 | NC/2010B | 0081065 | 05/12/2010 | Công ty TNHH Trung Thành | 080030 |
| 2 | NC/2010B | 0081066 | 06/12/2010 | Công ty TNHH Môi trường xanh | 080028 |
| 3 | NC/2010B | 0081067 | 08/12/2010 | Bùi Van Nhật | |
| 4 | NC/2010B | 0081068 | 10/12/2010 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | |
| 5 | NC/2010B | 0081069 | 14/12/2010 | Công ty TNHH Cuong Thinh | 080009 |
| 6 | NC/2010B | 0081070 | 16/12/2010 | Pham Van Lan | |
| 7 | NC/2010B | 0081071 | 16/12/2010 | Công ty TNHH Trung Thanh | 080030 |
| Tổng | | | | | |

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:
 Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra:

80136
8013

Tiếp theo, kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ hàng hóa bán ra của công ty Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT

Ví dụ :

Ngày 3/12/2010 công ty TNHH Hải Âu mua dầu diezen của cửa hàng xăng dầu Phú Thái theo hóa đơn GTGT số AA/2010T-0632115. Trong đó tiền hàng là: 9.553.050, tiền thuế GTGT(10%) là 919.450đ

➤ Từ nghiệp vụ phát sinh trên kế toán tiến hành kê khai vào phần mềm " hỗ trợ kê khai thuế " như sau :

Kê khai vào phần 1: Hàng hoá dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:

Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là AA/2010T
- Số hoá đơn : là 0632115
- Ngày, tháng năm phát hành : là 03/12/2010
- Tên người bán : là Cửa hàng xăng dầu Phú Thái
- Mã số thuế người bán : 5700101690
- Mặt hàng : dầu diezen
- Doanh số bán chưa có thuế : 9.553.050
- Thuế suất : 10%
- Thuế giá trị gia tăng : 919.450đ

Điền hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi “. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công “. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng “. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Hệ tính kê khai - Phiên bản 2.5.1

Nhập từ khai

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

| STT | Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế | | | Tên người bán | Mã số thuế người bán | Mặt hàng | Doanh số mua chưa có thuế | Thuế suất (%) | Thuế GTGT | |
|---|--------------------------------------|------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------|--------------------|---------------------------|---------------|-------------------|--|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | |
| 1. Hàng hoá, dịch vụ riêng cho SXKD chịu thuế GTGT: | | | | | | | | | | |
| 1 | AA/2010T | 0632115 | 03/12/2010 | Cửa hàng xăng dầu 27 Phú Thái | 5700101690001 | Dầu diezen | 9.553.050 | 10% | 919.450 | |
| 2 | AB/2010T | 638702 | 07/12/2010 | Viên thống Hải Dương | 0800011427 | Dịch vụ viên thống | 225.577 | 10% | 22.558 | |
| 3 | AA/2010T | 2946731 | 06/12/2010 | Điện lực Hải Dương | 0800356171 | Điện SX | 56.493.100 | 10% | 5.649.310 | |
| 4 | AA/2010T | 3649777 | 20/12/2010 | Điện lực Hải Dương | 0800356171 | Điện SX | 45.054.200 | 10% | 4.505.420 | |
| 5 | NC/2010B | 0010942 | 11/12/2010 | Công ty TNHH Phụng Hưng | 0800235498 | Cleanbie | 274.313.182 | 10% | 27.431.318 | |
| 6 | RB/2010B | 0000414 | 14/12/2010 | Công ty TNHH Trung Thành | 0800301334 | Vận chuyển | 21.638.000 | 10% | 2.163.800 | |
| 7 | AV/2010B | 0094083 | 23/12/2010 | Công ty TNHH Tiến Nam | 0800815918 | Cleanbie | 121.165.000 | 10% | 12.116.400 | |
| 8 | GH/2008B | 0020146 | 25/12/2010 | ĐN Phúc Khánh | 1000331613 | Vỏ bao | 80.000.000 | 10% | 8.000.000 | |
| 9 | PX/2010B | 0071356 | 31/12/2010 | CTCP In và dịch vụ Đức Minh | 0800454771 | Ấn hóa đơn GTGT | 3.760.000 | 10% | 376.000 | |
| Tổng | | | | | | | 612.202.109 | | 61.184.256 | |
| 2. Hàng hoá, dịch vụ riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT: | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0% | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 | |
| 3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT: | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0% | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 | |
| Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào: | | | | | | | 612.202.109 | | | |
| Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào: | | | | | | | | | 61.184.256 | |

Giao diện trên là bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào của công ty TNHH Hải Âu tháng 12 năm 2010.

Mẫu số: **01- 2/GTGT**
 (Ban hành kèm theo Thông
 tư số 60/2007/TT-BTC
 ...)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số
 Kỳ tính thuế: Tháng.12 năm 2010)

Người nộp thuế: Công ty TNHH Hai Au
 Mã số thuế: . 0 8 0 0 2 9 4 3 1

| STT | Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế | | | Tên người bán | Mã số |
|---|--------------------------------------|------------|----------------------------|-------------------------------|-------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | |
| 1.Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT: | | | | | |
| 1 | AA/2010T | 0632115 | 03/12/2010 | Cua hàng xang dầu 27 Phú Thái | 570 |
| 2 | AB/2010T | 638702 | 07/12/2010 | Viên thông Hai Duong | 08 |
| 3 | AA/2010T | 2946731 | 06/12/2010 | Điện lực Hai Duong | 08 |
| 4 | AA/2010T | 3649777 | 20/12/2010 | Điện lực Hai Duong | 08 |
| 5 | NC/2010B | 0010942 | 11/12/2010 | Công ty TNHH Phung Hung | 08 |
| 6 | RB/2010B | 0000414 | 14/12/2010 | Công ty TNHH Trung Thành | 08 |
| 7 | AV/2010B | 0094083 | 23/12/2010 | Công ty TNHH Tiên Nam | 08 |
| 8 | GH/2008B | 0020146 | 25/12/2010 | DN Phúc Khánh | 10 |
| 9 | PX/2010B | 0071356 | 31/12/2010 | CTCP in và dịch vụ Đức Minh | 08 |
| Tổng | | | | | |
| Tổng | | | | | |
| 3.Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT: | | | | | |
| Tổng | | | | | |
| 4.Hàng hóa dịch vụ dùng cho dự án đầu tư: | | | | | |
| Tổng | | | | | |

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào: 612.202.109
 Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào: 61.184.256

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Hệ trợ kê khai - Phiên bản 2.5.1

Đăng nhập

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

Kỳ tính thuế: Tháng 04 năm 2011

Mã số thuế: 0800029431
 Người nộp thuế: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Âu

| STT | CHỈ TIÊU | | GIÁ TRỊ HHDV | | THUẾ GTGT |
|------------|---|------|--------------------------|------|-----------|
| A | Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X") | [10] | <input type="checkbox"/> | | |
| B | Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang | [11] | | | 0 |
| C | Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước | | | | |
| I | Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào | | | | |
| 1 | Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ((12)=[14]+[16]; [13]=[15]+[17]) | [12] | 0 | [13] | 0 |
| a | Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước | [14] | 0 | [15] | 0 |
| b | Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu | [16] | 0 | [17] | 0 |
| 2 | Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước | | | | |
| a | Điều chỉnh tăng | [18] | 0 | [19] | 0 |
| b | Điều chỉnh giảm | [20] | 0 | [21] | 0 |
| 3 | Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ((22)=[13]+[19]-[21]) | | | [22] | 0 |
| 4 | Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này | | | [23] | 0 |
| II | Hàng hóa, dịch vụ bán ra | | | | |
| 1 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ((24)=[26]+[27]; [25]=[28]) | [24] | 0 | [25] | 0 |
| 1.1 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT | [26] | 0 | | |
| 1.2 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27)=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33]) | [27] | 0 | [28] | 0 |
| a | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0% | [29] | 0 | | |
| b | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5% | [30] | 0 | [31] | 0 |
| c | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10% | [32] | 0 | [33] | 0 |

TỜ KHAI / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Hệ trợ kê khai - Phiên bản 2.5.1

Đăng nhập

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

Kỳ tính thuế: Tháng 12 năm 2010

Mã số thuế: 0800029431
 Người nộp thuế: Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Âu

| STT | CHỈ TIÊU | | GIÁ TRỊ HHDV | | THUẾ GTGT |
|------------|--|------|--------------|------|------------|
| 1 | Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ((12)=[14]+[16]; [13]=[15]+[17]) | [12] | 612.202.109 | [13] | 61.184.256 |
| a | Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước | [14] | 0 | [15] | 0 |
| b | Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu | [16] | 0 | [17] | 0 |
| 2 | Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước | | | | |
| a | Điều chỉnh tăng | [18] | 0 | [19] | 0 |
| b | Điều chỉnh giảm | [20] | 0 | [21] | 0 |
| 3 | Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ((22)=[13]+[19]-[21]) | | | [22] | 61.184.256 |
| 4 | Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này | | | [23] | 61.184.256 |
| II | Hàng hóa, dịch vụ bán ra | | | | |
| 1 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ((24)=[26]+[27]; [25]=[28]) | [24] | 801.363.900 | [25] | 80.136.100 |
| 1.1 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT | [26] | 0 | | |
| 1.2 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27)=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33]) | [27] | 801.363.900 | [28] | 80.136.100 |
| a | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0% | [29] | 0 | | |
| b | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5% | [30] | 0 | [31] | 0 |
| c | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10% | [32] | 801.363.900 | [33] | 80.136.100 |
| 2 | Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước | | | | |
| a | Điều chỉnh tăng | [34] | 0 | [35] | 0 |
| b | Điều chỉnh giảm | [36] | 0 | [37] | 0 |
| 3 | Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ((38)=[24]+[34]-[36]; [39]=[25]+[35]-[37]) | [38] | 801.363.900 | [39] | 80.136.100 |

TỜ KHAI / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT / PL 01-3/GTGT / PL 01-4A/GTGT / PL 01-4B/GTGT / PL 01-5/GTGT

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

★ Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT)

☼ Một số quy định chung :

* Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

* Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

- [01] : Kỳ tính thuế : tháng 12 năm 2010
- [02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH Hải Âu
- [03] : Mã số thuế : 0800029431
- [04] : Địa chỉ trụ sở : Thị trấn Phú Thái
- [05] : Quận/huyện : Kim Thành
- [06] : Tỉnh/thành phố : Hải Dương
- [07] : Điện thoại : 03203 720582
- [08] : Fax :03203 720582
- [09] : Email :

Nếu có sự thay đổi các thông tin từ mã số [02] đến mã số [09], CSKD phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

Đối với Tờ khai thuế GTGT của dự án đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai rõ tên của từng dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

* Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

* Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi

tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

☸ Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng.

(mẫu số 01/GTGT)

A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11] của Tờ khai thuế GTGT kỳ này là số thuế đã ghi trên mã số [43] của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ”

- **Mã số [12]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

- **[12] : 612.202.109**

- **Mã số [13]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

- **[13] : 61.184.256**

2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước”

- **Mã số [14]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ

- **[14] : 612.202.109**

- **Mã số [15]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

- **[15] : 61.184.256**

3. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu”

- **Mã số [16]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), căn cứ theo chứng từ của hàng hoá nhập khẩu như hợp đồng nhập khẩu, hoá đơn của phía nước ngoài cung cấp...

- **[16] : Không phát sinh trong kỳ**

- **Mã số [17]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ, căn cứ vào các chứng từ nộp thuế của hàng hoá nhập khẩu (như Biên lai thu thuế GTGT hàng nhập khẩu, Giấy nộp tiền vào Ngân sách...)

- **[17] : Không phát sinh trong kỳ**

4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”.

- **Mã số [18], [20]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-**[18], [20]: Không phát sinh trong kỳ**

- **Mã số [19], [21]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-**[19], [21]: Không phát sinh trong kỳ**

5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”

- **Mã số [22]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

- [22] : 61.184.256

6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

- [23] : 61.184.256

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ”

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

- [24] : 801.363.900

- **Mã số [25]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

- [25] : 80.136.100

2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- **Mã số [26]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

- [26]: Không phát sinh trong kỳ

3. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

- [27] : 801.363.900

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

- [28] : 80.136.100

4. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"

- **Mã số [29]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

-[29] : Không phát sinh trong kỳ

5. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :

- **Mã số [30]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

-[30] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [31]:** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

-[31] : Không phát sinh trong kỳ

6. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :

- **Mã số [32]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

- [32] : 801.363.900

- **Mã số [33] :** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

- [33] : 80.136.100

7. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước” :

- **Mã số [34], [36]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

-[34] [36] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [35], [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

-[35] [37] : Không phát sinh trong kỳ

8. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra” :

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$[38] = [24] + [34] - [36]$

- [38] : 801.363.900

- **Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

- [39] : 80.136.100

III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:

- **Mã số [40]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

- [40] : 18.951.844

2. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”:

- **Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này”

- **Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

CSKD không được chuyển sang khấu trừ của kỳ sau đối với số thuế đã đề nghị hoàn trong kỳ.

CSKD đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải gửi công văn đề nghị hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

Trường hợp CSKD không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ khai thì số thuế còn được khấu trừ này đã chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp. Nếu sau đó CSKD gửi công văn và hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho số thuế này thì cơ quan thuế sẽ không xét hoàn thuế.

4. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- **Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

2.2.5.2. Khấu trừ thuế GTGT:

Hàng tháng căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, trên cơ sở tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra, kế toán tiến hành khấu trừ thuế GTGT.

➤ Ví dụ:

Trong tháng 12, căn cứ vào tờ khai thuế GTGT tháng 12/2010 kế toán xác định:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ : 61.184.256 (đồng)
- Thuế GTGT đầu ra : 80.136.100 (đồng)

Bút toán khấu trừ thuế GTGT:

| | |
|-------------|--------------|
| Nợ TK 33311 | : 61.184.256 |
| Có TK 133 | : 61.184.256 |

→ Thuế GTGT phải nộp trong tháng 12: $80.136.100 - 61.184.256$
 $= 18.951.844$ (đồng)

Bút toán khấu trừ thuế GTGT được thực hiện vào cuối tháng, sau khi xác định được tổng số thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào và bán ra. Về nguyên tắc chỉ được khấu trừ theo số nhỏ hơn, và đơn vị đã thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT theo đúng nguyên tắc quy định.

2.2.5.3. Nộp thuế GTGT:

Hàng tháng sau khi nhận được thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, trong thời gian quy định (chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo), Kế toán công ty sẽ thực hiện nộp thuế theo đúng quy định. Sau khi nhận được giấy báo nợ của ngân hàng kế toán tiến hành ghi sổ bút toán:

| | |
|-------------|--------------|
| Nợ 333(1) | : 18.951.844 |
| Có 111, 112 | : 18.951.844 |

➤ Ví dụ:

Ngày 23/12/2010 công ty TNHH Hải Âu nộp tiền thuế GTGT của kỳ tính thuế là tháng 11/2010 với số tiền là: 2.968.849đ.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH HẢI ÂU.

3.1. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu.

Có thể nói từ khi thành lập cho đến nay công ty TNHH Hải Âu đã có được những bước đi vững chắc, thuận lợi đạt hiệu quả cao được thể hiện ở những thành tích mà công ty đã đóng góp cho xã hội. Hiện nay đóng góp vào ngân sách nhà nước của công ty ngày càng tăng và công ty được đánh giá là một trong những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Cùng với sự phát triển của công ty, bộ máy kế toán cũng ngày càng hoàn thiện và có những đóng góp rất to lớn về vấn đề tài chính giúp cho công ty đứng vững và có sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Công ty luôn kịp thời áp dụng và thực hiện tốt chế độ kế toán mới do bộ tài chính ban hành. Công tác hạch toán kế toán trên cơ sở vận dụng linh hoạt nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc kế toán nhờ đó đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời nhu cầu thông tin cho quá trình quản lý.

Việc tổ chức bộ máy kế toán tập trung như hiện nay đã đảm bảo cho kế toán phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu của công việc và phù hợp với chuyên môn của từng người.

Công ty TNHH Hải Âu là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, nghiệp vụ phát sinh trong tháng, quý...không nhiều tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phần hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty và của bộ tài chính. Công ty đã bắt đầu ứng dụng phần mềm kế toán đối với việc quản lý tài chính, tuy vậy việc thực hiện kế toán trên sổ vẫn là chủ yếu, phần mềm kế toán mà Công ty sử dụng chỉ như một công cụ hỗ trợ cho việc tính toán, chính nhờ vậy mà giảm nhẹ được khối lượng công việc và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Công tác kế toán của Công ty đều

tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những qui định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế.

Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế. Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau.:

***/ Về ưu điểm:**

- Để thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh và chính xác hiện nay Công ty TNHH Hải Âu đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ do Tổng cục thuế xây dựng.

Việc công ty sử dụng phần mềm HTKK thuế đã giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán.

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

***/ Về hạn chế:**

- Công ty chưa tiến hành lập bảng kê bán lẻ theo qui định tại các cửa

hàng bán lẻ mà tất cả các nghiệp vụ bán hàng đều được phản ánh chung vào bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra, do vậy sẽ khó khăn trong việc theo dõi chi tiết doanh thu bán lẻ và doanh thu bán buôn dẫn đến hạn chế trong công tác quản lý các kênh phân phối sản phẩm cũng như việc thúc đẩy tiêu thụ.

- Việc ghi chép bảo quản và lưu trữ chứng từ chưa được chu đáo, một số chứng từ chưa đảm bảo căn cứ pháp lý như: thiếu chữ ký của người có trách nhiệm. Trong quá trình ghi sổ chi tiết, lập chứng từ nhân viên kế toán vẫn chưa đánh số đầy đủ cho các chứng từ gốc, vẫn còn có chứng từ không số hoặc nếu có thì nhiều chứng từ bị trùng lặp số liệu, tuy với những nội dung kinh tế khác nhau nhưng vẫn gây khó khăn cho việc phân biệt khi cần kiểm tra, tìm kiếm.

- Việc mở sổ chi tiết tài khoản cấp I TK 133 - thuế GTGT được khấu trừ và sổ chi tiết tài khoản 3331 - thuế GTGT phải nộp theo em là chưa hợp lý bởi vì TK 133 có 2 tài khoản cấp II là TK 1331 - thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ và TK 1332 - thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định, việc mở sổ chi tiết TK 133 còn chung chung, chưa tách biệt được rõ ràng hai khoản thuế này. Còn tên gọi sổ chi tiết TK 3331 là chưa hợp lý bởi vì TK 3331 có 2 TK cấp III là TK 33311 - thuế GTGT đầu ra và TK 33312 thuế GTGT của hàng nhập khẩu, Công ty không có nghiệp vụ nhập khẩu vậy tên gọi là sổ chi tiết tài khoản 3331 là chưa hợp lý.

-Tất cả các nghiệp vụ đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, Công ty không mở các sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký mua hàng, nhật ký thu, nhật ký chi... vậy theo em công ty nên mở thêm các sổ này để thuận lợi trong việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chính xác nhất.

- Doanh nghiệp chưa tiến hành việc đối chiếu, kiểm tra trong quá trình lập báo cáo thuế GTGT và ghi sổ kế toán. Trong tháng 6/2010 kế toán kê nhằm 1 hóa đơn GTGT đầu vào của tháng 5/2010 do kế toán kẹp lẫn chứng từ của T5 vào T6 nên làm cho thuế GTGT đầu vào bị sai ảnh hưởng đến các sổ sách kế toán và số liệu trên tờ khai thuế. Sai sót này đã được kế toán phát hiện ra và sửa chữa vào cuối kỳ kế toán.

- Việc quản lý và sử dụng hóa đơn chưa thực sự được kế toán quan tâm.
- Hóa đơn bán hàng khi giao cho bên mua bị ghi sai đơn giá .Doanh nghiệp đã tiến hành hủy hóa đơn nhưng khi hủy hóa đơn GTGT kế toán lại không tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn giữa hai bên và có đầy đủ chữ ký của những người liên quan.
- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, nhưng do Công ty TNHH Hải Âu là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn .Công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, kế toán viên kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan.

Trên đây là một vài tồn tại trước mắt, bộ phận kế toán của Công ty nên đưa ra các biện pháp giải quyết để công tác kế toán thuế GTGT của Công ty được hoàn thiện hơn nữa.

3.2. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện, tổ chức công tác kế toán thuế GTGT.

Kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp, thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước, uy tín của doanh nghiệp và cả về mặt vật chất khi bị phạt chậm nộp thuế. Việc thực hiện tổ chức công tác kế toán thuế một cách khoa học giúp cho kế toán doanh nghiệp dễ dàng giải trình về các số liệu liên quan đến thuế GTGT phải nộp trong kỳ.

Với cơ chế thị trường mở cửa cạnh tranh đã trở thành một xu thế tất yếu, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao hiệu quả SXKD nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Để có thể thành công trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh, thực hiện tốt công tác kế toán

nói chung và công tác kế toán thuế nói riêng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp. Các số liệu liên quan đến thuế, tình hình nộp thuế có thể cho biết được thực trạng, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó xác định được vị thế của doanh nghiệp đối với các chủ đầu tư và đối tác kinh tế. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế nước ta hiện nay từng bước hội nhập kinh doanh thế giới Nhà nước có những thay đổi với chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách về thuế, chế độ kế toán. Cùng với những thay đổi đó công tác kế toán ở doanh nghiệp cũng phải được tổ chức cho phù hợp.

Từ những nguyên nhân, đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý, SXKD, cần thiết phải cải tiến, đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán .

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của DN.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

Nói tóm lại trên đây là những yêu cầu được đặt ra trước hết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng, dưới đây em xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu căn cứ vào những yêu cầu đó.

3.2.3. Một số kiến nghị đề suất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán GTGT tại công ty TNHH Hải Âu.

Căn cứ vào những nhận xét về những ưu điểm và nhược điểm của công ty TNHH Hải Âu đã nêu ở trên, em xin có một số đề suất như sau:

☼ Công ty nên tiến hành lập bảng kê bán lẻ tại các cửa hàng bán lẻ để một mặt là thực hiện theo đúng qui định tránh việc trốn thuế, mặt khác là để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý các kênh phân phối sản phẩm, đồng thời nhằm theo dõi riêng việc bán lẻ hàng hoá để kịp thời đưa ra các giải pháp hoàn chỉnh khi có những điều kiện bất lợi của thị trường.

Bảng kê bán lẻ có thể theo mẫu sau:

BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ

(Ngày tháng năm)

Mã số:

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Họ tên người bán hàng:.....

Địa chỉ nơi bán hàng:.....

| STT | Tên hàng hoá, Dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------------------|-------------------|-------------|---------|---------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 |
| | | | | | |

Tổng cộng tiền thanh toán:.....

Tổng số tiền (bằng chữ) :.....

☼ Kiến nghị về kiểm tra chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp.

Cuối mỗi kỳ kế toán nhân viên kế toán nên kiểm tra lại hệ thống chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp để bổ sung đầy đủ chữ ký của những người trách nhiệm có liên quan. Một số Phiếu thu tiền bán hàng và phiếu chi tiền khi mua hàng của các tháng trong năm chưa được đánh số. Vậy kế toán nên kiểm tra lại để bổ sung tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra sau này.

☼ Đối với kế toán thuế GTGT Công ty nên mở thành 2 sổ chi tiết tài khoản cấp II để theo dõi thuế GTGT đầu vào, đó là:

+Sổ chi tiết tài khoản 1331-Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ

+Sổ chi tiết tài khoản 1332-Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ
Không nên theo dõi chung hai khoản thuế đầu vào này vào một sổ chi tiết tài khoản 133 như Công ty đang làm.

Tên gọi sổ chi tiết TK 3331-Thuế GTGT đầu ra theo em nên đổi thành sổ chi tiết TK 33311- Thuế GTGT đầu ra, bởi vì tên gọi của TK 3331 chỉ là thuế GTGT, gồm 2 tài khoản cấp III:

+TK 33311-Thuế GTGT đầu ra

+TK 33312- Thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu.

Tên gọi của sổ chi tiết TK 3331 như vậy là không phản ánh đúng nội dung kinh tế của TK 3331.

☼ Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, như vậy khối lượng ghi chép là rất lớn gây khó khăn cho việc theo dõi. Theo em công ty nên mở thêm một sổ sổ Nhật ký chuyên dùng để theo dõi một số loại nghiệp vụ chủ yếu như mua hàng, bán hàng, chi tiền, thu tiền, để cuối tháng kế toán thuế GTGT có thể lấy số liệu tổng hợp từ các Nhật ký chuyên dùng đó để đối chiếu số liệu đã tổng hợp được trên các sổ chi tiết.

Dưới đây là một số mẫu sổ Nhật ký chuyên dùng Công ty nên mở thêm:

SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | DIỄN GIẢI | Phải trả người bán (Có TK 331) | Ghi nợ các tài khoản | | | Tài khoản khác | |
|-------------------------|-------------|------|-----------|---|-------------------------|-----|-----|-------------------|------------|
| | Số | ngày | | | 152 | 153 | ... | Số hiệu | Số tiền |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | DIỄN GIẢI | Phải thu của khách hàng(N ợ TK 131) | Ghi có tài khoản doanh thu | | | Ghi chú |
|-------------------------|-------------|----------|-----------|--|-------------------------------|-------------------|------------|------------|
| | Số | Ng ày | | | Hàng hoá | Thàn h phẩm | Dịch vụ | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

☼ Kiến nghị về việc kiểm tra đối chiếu giữa sổ chi tiết TK 133 và TK 3331 và tờ khai thuế GTGT.

- Khi tiến hành lập tờ khai thuế, doanh nghiệp cần phải đối chiếu kiểm tra giữa hóa đơn đầu vào, đầu ra với bảng kê mua vào, bán ra để tranh tình trạng bỏ sót

hóa đơn chứng từ.

- Đồng thời doanh nghiệp cần phải đối chiếu số liệu giữa tờ khai và sổ chi tiết của các tài khoản 133 và 3331 để đảm bảo số liệu được chính xác.

Việc đối chiếu kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các mẫu bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 13311 và TK 33311

| Tháng | Hạch toán | | | | Kê khai | | | | Chênh lệch | |
|------------------|-------------|------------|----------------------|-------------|-------------|------------|----------------------|-------------|-------------|------------|
| | VAT đầu vào | VAT đầu ra | Số còn được khấu trừ | Số phải nộp | VAT đầu vào | VAT đầu ra | Số còn được khấu trừ | Số phải nộp | VAT đầu vào | VAT đầu ra |
| Dư đầu kỳ | | | | | | | | | | |
| T1/2009 | | | | | | | | | | |
| T2/2009 | | | | | | | | | | |
| T3/2009 | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| T9/2009 | | | | | | | | | | |
| T10/2009 | | | | | | | | | | |
| T12/2009 | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | |

Số còn được khấu trừ :

Chênh lệch :

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK 511

| Kê khai | | | Chênh lệch | | Tờ khai | | |
|-----------|------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|-----------|
| Doanh thu | VAT đầu ra | Thuế suất | Doanh thu | VAT đầu ra | Doanh thu | VAT đầu ra | Thuế suất |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

☼ Kiến nghị về việc hủy hóa đơn GTGT.

Yêu cầu của hóa đơn GTGT là phải rõ ràng, chính xác, không được tẩy xóa. Khi kế toán của công ty lập hóa đơn bán hàng đã ghi nhầm số lượng và đơn giá hàng xuất bán vì vậy kế toán đã hủy bỏ hóa đơn bán hàng này và viết lại hóa đơn GTGT khác. Nhưng kế toán đã xé hóa đơn khỏi cuống và không tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn giữa hai bên, điều này không đúng với quy định của việc quản lý và sử dụng hóa đơn. Quy định như sau:

☞ **Trường hợp hóa đơn viết sai cần hủy bỏ** thì gạch chéo để chữ hủy bỏ vào các liên của số hóa đơn, không được xé rời khỏi cuống mà phải lưu giữ đầy đủ các liên để thanh toán số tờ bị hủy (hỏng) với Cơ quan thuế (được thể hiện trên bản Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn).

☞ **Trường hợp đã giao hóa đơn cho khách hàng mới phát hiện sai hóa đơn** thì hai bên phải lập biên bản thu hồi hóa đơn ghi rõ lý do thu hồi hóa đơn, đồng thời cơ sở phải lập hóa đơn mới giao cho khách hàng. Hóa đơn mới phải ghi đầy đủ, đúng các chỉ tiêu theo quy định và ghi rõ: “Hóa đơn này thay thế hóa đơn ký hiệu..., số hóa đơn..., ngày..., tháng..., năm...”

☞ **Hóa đơn thu hồi phải kẹp vào quyển hóa đơn và phải xuất trình với cơ quan thuế trực tiếp quản lý**, không được hủy hóa đơn. Cơ sở sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đối với hành vi xé rời hóa đơn viết sai khỏi quyển hóa đơn và hủy hóa đơn thu hồi.

Biên bản hủy hóa đơn có thể theo mẫu sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.****BIÊN BẢN HUỖ HOÁ ĐƠN**

- Căn cứ vào hợp đồng ngày ... tháng ... năm ký giữa Công ty và Công ty về việc mua bán
- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... mà Công ty đã cấp cho Công ty
- Hôm nay, ngày ... tháng ... năm Tại Trụ sở Công ty , Số nhà..... Chúng tôi gồm có:

BÊN A:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông/Bà :, Chức vụ:, làm đại diện

BÊN B:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông (Bà):, Chức vụ:, làm đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc huỷ bỏ hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... mà Công ty đã cấp cho Công ty

1/ Lý do huỷ bỏ hoá đơn.

- Do đơn giá ghi trên hoá đơn không đúng theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên, và khối lượng còn thiếu.

2/ Cam kết.

- Công ty và Công ty cam kết không sử dụng hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... trong việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Công ty cam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hoá đơn số của Công ty Nếu có sự sai trái trong việc kê khai thuế của hoá đơn trên, Công hoàn toàn chịu trách nhiệm

- Liên 2 của hoá đơn số được hoàn trả lại cho Công ty

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

ĐẠI DIỆN BÊN A**ĐẠI DIỆN BÊN B**

☼ Kiến nghị về việc bố trí nhân sự trong phòng kế toán- tài chính:

Để việc kê khai thuế hàng tháng và cập nhật thông tin về thuế thực sự nhanh thì công ty nên có một kế toán chỉ chuyên theo dõi về thuế.

☼ Kiến nghị về phân tích một số chỉ tiêu tài chính:

Sau mỗi một niên độ kế toán, công ty nên tiến hành phân tích tình hình nộp thuế GTGT thông qua các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính, dưới đây là một số chỉ tiêu cơ bản cần phân tích:

- Tỷ suất thuế GTGT phải nộp trong kỳ = $\frac{\text{Thuế GTGT phải nộp trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu thuần}}$

- Tỷ suất khấu trừ thuế GTGT = $\frac{\text{Tổng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}}{\text{Tổng thuế GTGT đầu ra}}$

Chỉ tiêu này cho ta thấy một đồng thuế GTGT đầu ra có bao nhiêu đồng được khấu trừ.

- Tỷ suất nộp thuế GTGT = $\frac{\text{Thuế GTGT đã nộp}}{\text{Tổng thuế GTGT phải nộp}}$

Chỉ tiêu này phản ánh tình hình nộp thuế GTGT, cho thấy một đồng thuế GTGT phải nộp có bao nhiêu đồng đã nộp.

...

Việc tiến hành phân tích các chỉ tiêu về thuế GTGT trên BCTC là hết sức cần thiết và quan trọng, một mặt để theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước, mặt khác để thấy được xu hướng biến động của các chỉ tiêu qua các năm để từ đó công ty tiến hành xây dựng các kế hoạch tài chính-phần quan trọng nhất trong chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

KẾT LUẬN

Thuế là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế; là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN). Chính sách thuế gắn liền với chính sách phát triển của mọi quốc gia đang thực hiện nền kinh tế chuyển đổi, tiến sâu vào hội nhập quốc tế thì chính thuế năng động, phù hợp càng trở nên cực kì quan trọng. Ngày 1/1/1999 có thể được coi như một mốc quan trọng đánh dấu một bước nhảy của chế độ thuế, đó là thời điểm Luật thuế GTGT được chính thức áp dụng tại Việt Nam, kéo theo chế độ kế toán cũng thay đổi cho phù hợp. Trong những năm vừa qua, Luật thuế mới này cũng đã phần nào phát huy được những tác dụng tích cực đối với nền kinh tế đất nước, nhưng những vướng mắc, khó khăn trong quá trình vận dụng nó vào điều kiện kinh doanh thực tế của doanh nghiệp thì lại tồn tại rất nhiều.

Xuất phát từ thực tiễn trên, em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Hải Âu*** ” là luận văn tốt nghiệp, bởi theo em thuế GTGT là một vấn đề được rất nhiều doanh nghiệp quan tâm và sẽ còn được bàn luận, sửa đổi nhiều trong tương lai.

Đề tài này góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT, góp phần hoàn thiện hơn nữa chế độ kế toán Việt Nam bởi vì đề tài này không chỉ đề cập đến những vấn đề riêng có tại Công ty TNHH Hải Âu mà còn đề cập đến những vấn đề chung về Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT.

Do điều kiện thời gian, tài liệu và kiến thức có giới hạn nên luận văn sẽ không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để bài báo cáo của em được hoàn thiện tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo **Thạc sĩ Đồng Thị Nga**, các thầy cô giáo trong khoa QTKD cùng các cô chú, anh chị của phòng Kế toán - Tài chính công ty TNHH Hải Âu đã hướng dẫn và cung cấp tư liệu tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bản khóa luận này.

Hải phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên thực hiện

Dương Thị Phương

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) | 9 |
| 1.1. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng | 9 |
| 1.1.1. Khái quát sự ra đời và phát triển của thuế GTGT. | 9 |
| 1.1.2. Khái niệm. | 9 |
| 1.1.3. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng..... | 10 |
| 1.1.4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng..... | 11 |
| 1.1.4.1. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá | 11 |
| 1.1.4.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế..... | 12 |
| 1.1.5. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng | 14 |
| 1.1.6. Các quy định về thuế giá trị gia tăng | 15 |
| 1.1.6.1. Đối tượng nộp thuế GTGT..... | 15 |
| 1.1.6.2. Đối tượng chịu thuế GTGT..... | 15 |
| 1.1.6.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT..... | 16 |
| 1.1.7. Căn cứ và phương pháp tính thuế. | 16 |
| 1.1.7.1. Giá tính thuế..... | 16 |
| 1.1.7.2. Thời điểm xác định thuế GTGT như sau: | 18 |
| 1.1.7.3. Thuế suất thuế giá trị gia tăng..... | 18 |
| 1.1.8. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng..... | 21 |
| 1.1.8.1. Phương pháp khấu trừ thuế. | 21 |
| 1.1.8.2. Phương pháp trực tiếp | 24 |
| 1.1.9. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và hoàn thuế GTGT..... | 27 |
| 1.1.9.1. Kê khai thuế. | 27 |
| 1.1.9.2. Nộp thuế GTGT. | 27 |
| 1.1.9.3. Quyết toán thuế. | 29 |
| 1.1.9.4. Hoàn thuế. | 29 |
| 1.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT)..... | 30 |
| 1.2.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT..... | 30 |

| | |
|---|-----------|
| 1.2.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT..... | 31 |
| 1.2.2.1.Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung..... | 31 |
| 1.2.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng. | 33 |
| 1.2.3. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng..... | 33 |
| 1.2.3.1. Chứng từ kế toán. | 33 |
| 1.2.3.2.Tài khoản kế toán. | 34 |
| 1.2.3.3. Trình tự kế toán. | 37 |
| 1.2.3.4. Hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp. | 43 |
| CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH HẢI ÂU..... | 45 |
| 2.1. Khái quát về công ty TNHH Hải Âu..... | 45 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển. | 45 |
| 2.1.2. Đặc điểm cơ cấu ngành nghề sản xuất và quy trình công nghệ. | 46 |
| 2.1.2.1. Cơ cấu ngành nghề các bộ phận sản xuất. | 46 |
| 2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất xi măng. | 46 |
| 2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH Hải Âu. | 48 |
| 2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Hải Âu. | 49 |
| 2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán. | 49 |
| 2.1.4.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty. | 50 |
| 2.1.4.3.Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán. | 51 |
| 2.1.4.4. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán | 52 |
| 2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán | 52 |
| 2.2. Thực trạng tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Hải Âu. | 53 |
| 2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng: | 53 |
| 2.2.2. Phương pháp tính thuế. | 53 |
| 2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT tại công ty.... | 54 |
| 2.2.4. Hạch toán ban đầu kế toán thuế GTGT. | 55 |
| 2.2.4.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào. | 55 |
| 2.2.4.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra..... | 62 |

| | |
|---|-----|
| 2.2.5. Khai, khấu trừ và nộp thuế GTGT. | 69 |
| 2.2.5.1. Khai thuế. | 69 |
| 2.2.5.2. Khấu trừ thuế GTGT: | 88 |
| 2.2.5.3. Nộp thuế GTGT: | 88 |
| CHƯƠNG III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH HẢI ÂU. | |
| 3.1. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu. | 89 |
| 3.2. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Hải Âu. | 92 |
| 3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện, tổ chức công tác kế toán thuế GTGT .. | 92 |
| 3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán . . | 93 |
| 3.2.3. Một số kiến nghị đề suất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán GTGT tại công ty TNHH Hải Âu. | 94 |
| KẾT LUẬN | 101 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | |